



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGÀ (đồng Chủ biên) – HOÀNG HOÀ BÌNH
VŨ TRỌNG ĐÔNG – NGUYỄN KHÁNH HÀ – TRẦN MẠNH HƯỜNG

Tiếng Việt

3

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGA (đồng Chủ biên) – HOÀNG HOÀ BÌNH
VŨ TRỌNG ĐÔNG – NGUYỄN KHÁNH HÀ – TRẦN MẠNH HƯỜNG

Tiếng Việt



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



PHẦN THỨ NHẤT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 3

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Các năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học)

1.1. Đọc (bao gồm đọc kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh)

1.1.1. Kỹ thuật đọc

– Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ.

– Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.

– Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 2.

– Đánh dấu được đoạn sách đang đọc.

– Ghi chép ngắn gọn những nội dung quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

1.1.2. Đọc hiểu

a) Đọc hiểu văn bản văn học

• Đọc hiểu nội dung

– Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản.

– Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi (CH) gợi ý.

– Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.

• Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.

– Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.

– Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ.

– Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

• Liên hệ, so sánh, kết nối

– Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó.

– Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó.

• Đọc mở rộng

– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

– Thuộc lòng được ít nhất 8 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ.

b) *Đọc hiểu văn bản thông tin*

• Đọc hiểu nội dung

– Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?

– Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.

• Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.

– Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.

– Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.

• Liên hệ, so sánh, kết nối

Nêu được những điều học được từ văn bản.

• Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học.

1.2. Viết

1.2.1. *Kỹ thuật viết*

– Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.

– Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.

– Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.

– Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ – viết, một bài viết có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.

– Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

1.2.2. Viết đoạn văn, văn bản

a) Quy trình viết

Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.

b) Thực hành viết

- Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia.
- Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.
- Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý.

- Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.

- Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử).

1.3. Nói và nghe

1.3.1. Nói

- Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.

- Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp.

- Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý.

- Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.

- Nói được về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình.

1.3.2. Nghe

- Chú ý nghe người khác nói, đặt được những CH có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe.

- Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

- Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại dáng vẻ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó.

1.3.3. Nói nghe tương tác

– Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề.

– Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện.

2. Các năng lực chung

Môn Tiếng Việt lớp 3 góp phần hình thành, phát triển các năng lực (NL) chung cho học sinh (HS) theo các yêu cầu dưới đây:

2.1. Năng lực tự chủ và tự học

– Tự làm được những việc của mình ở nhà, ở trường theo sự phân công, hướng dẫn; nhận ra và sửa chữa được sai sót trong học tập theo nhận xét của thầy cô, góp ý của các bạn; có ý thức và bước đầu biết tổng kết những điều đã học.

– Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; bộc lộ được sở thích, khả năng của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc, sở thích của bản thân với người khác.

– Biết tên, hoạt động chính và vai trò của một số nghề nghiệp; liên hệ được những hiểu biết đó với nghề nghiệp của người thân trong gia đình.

– Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để cùng cố và mở rộng hiểu biết; có ý thức học tập và làm theo những tấm gương tốt.

2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

– Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản; bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp.

– Biết cùng bạn trong nhóm, trong lớp hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô; báo cáo được kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

– Có hiểu biết ban đầu về một số nước trong khu vực và trên thế giới.

2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Bước đầu biết vận dụng những điều đã học ở môn Tiếng Việt và các môn học khác để quan sát, sưu tầm hiện vật; tạo lập, trưng bày và giới thiệu các đoạn văn vắn, câu đố, đoạn văn kết hợp vẽ, cắt dán,...; tổ chức các hoạt động tập thể,... theo hướng dẫn của sách giáo khoa (SGK) và của thầy cô.

3. Các phẩm chất chủ yếu

Môn Tiếng Việt lớp 3 góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất (PC) chủ yếu cho HS theo các yêu cầu dưới đây đối với HS tiểu học:

3.1. Yêu nước

- Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực để bảo vệ thiên nhiên.
- Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước.
- Kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước.

3.2. Nhân ái

3.2.1. Yêu quý mọi người

- Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình.
- Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè.
- Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật; nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ.
- Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai.

3.2.2. Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người

- Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình.
- Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.
- Sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn.

3.3. Chăm chỉ

3.3.1. Ham học

- Đi học đầy đủ, đúng giờ.
- Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào đời sống hằng ngày.

3.3.2. Chăm làm

- Thường xuyên tham gia các công việc của gia đình vừa sức với bản thân.
- Thường xuyên tham gia các công việc của trường, lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

3.4. Trung thực

- Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.
- Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt.
- Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, bạn bè, thầy cô và những người khác.

– Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

3.5. Trách nhiệm

3.5.1. Có trách nhiệm với bản thân

- Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ.
- Có ý thức sinh hoạt nề nếp.

3.5.2. Có trách nhiệm với gia đình

- Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình.
- Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống; có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình.

3.5.3. Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội

- Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công.
- Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau.
- Nhắc nhở bạn bè chấp hành nội quy trường, lớp; nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước nơi công cộng.
- Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.
- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3.5.4. Có trách nhiệm với môi trường

- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích.
- Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.
- Không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.

B. NỘI DUNG DẠY HỌC

Theo quy định của Chương trình (CT) môn Ngữ văn, để hình thành, phát triển NL giao tiếp, HS lớp 3 cần được trang bị các kiến thức tiếng Việt và văn học. Tuy nhiên, những nội dung này không được tổ chức thành bài học riêng mà tích hợp trong các bài học rèn luyện kỹ năng.

1. Kiến thức tiếng Việt

1.1. Cách viết nhan đề văn bản

1.1.1. Vốn từ theo chủ điểm

1.1.2. Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau

1.3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất

1.3.2. Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu

1.3.3. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phân tích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê)

1.4.1. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng

1.4.2. Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết

1.4.3. Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm

1.4.4. Kiểu văn bản và thể loại

- Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm
- Đoạn văn miêu tả đồ vật
- Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm
- Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện
- Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn

1.5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

2. Kiến thức văn học

2.1. Bài học rút ra từ văn bản

2.2. Địa điểm và thời gian

2.3. Suy nghĩ và hành động của nhân vật

3. Ngữ liệu

3.1. Văn bản văn học

- Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả.
- Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè.

Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 – 200 chữ, thơ khoảng 80 – 100 chữ.

3.2. Văn bản thông tin

- Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc
- Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn

Độ dài của văn bản: khoảng 120 – 150 chữ.

3.3. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

II. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA *TIẾNG VIỆT 3*

SGK *Tiếng Việt 3* trong bộ SGK Cảnh Diệu (sau đây gọi là SGK *Tiếng Việt 3*) thể hiện *Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT)* năm 2018 với quan điểm biên soạn như sau:

1. Tiếp cận mục tiêu

Tiếp cận mục tiêu là lấy mục tiêu giáo dục của CT GDPT làm căn cứ để lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và hoạt động học tập của HS, cụ thể là:

– Lấy việc rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) làm trục phát triển của cuốn sách để phục vụ mục tiêu phát triển các NL đặc thù (NL ngôn ngữ và văn học).

– Thống nhất nội dung rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ trong mỗi bài học theo chủ đề, chủ điểm để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng sống và các PC yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Tích cực hoá hoạt động học tập của người học để HS phát triển toàn diện về PC và NL một cách vững chắc.

2. Tiếp cận đối tượng

Tiếp cận đối tượng là lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và các hoạt động học tập cho phù hợp với tâm sinh lí và trình độ nhận thức của HS, cụ thể là:

– HS là người nói tiếng Việt, do đó, nhiệm vụ trọng tâm của môn Tiếng Việt là hình thành và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe ở mức độ cao hơn (từ giao tiếp thông thường đến giao tiếp văn hoá).

– HS còn nhỏ tuổi, do đó, SGK *Tiếng Việt 3* rất chú ý đến tính vừa sức và tâm lí lứa tuổi. Ví dụ (VD): chưa tổ chức các tiết học Luyện từ và câu riêng mà dạy kiến thức qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tăng cường các trò chơi học tập, chú trọng kênh hình (nhiều tranh ảnh, sơ đồ, màu sắc đẹp,...).

– HS là đối tượng rất đa dạng, cho nên SGK *Tiếng Việt 3* thiết kế nội dung mở để thực hiện giáo dục phân hoá, nhằm đáp ứng nhiều đối tượng HS và phù hợp với nhiều điều kiện dạy – học khác nhau. VD: có nhiều bài tập (BT) lựa chọn trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe để giáo viên (GV) và HS chọn theo đặc điểm, điều kiện của mỗi lớp và khả năng, sở thích của mỗi HS; có “phần mềm” khoảng 50 tiết *Góc sáng tạo, Em đọc sách báo, Ôn tập* để GV linh hoạt sử dụng thời gian dạy học.

III. NỘI DUNG SÁCH *TIẾNG VIỆT 3*

A. CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC

1. Tổng thời lượng: *Tiếng Việt 3* được học trong 35 tuần, mỗi tuần 7 tiết, tổng thời lượng học là 245 tiết.

2. Cấu trúc sách

Bộ SGK *Tiếng Việt* tiểu học được thiết kế theo mô hình tích hợp, lấy hệ thống chủ đề – chủ điểm làm chỗ dựa để phát triển NL ngôn ngữ (cụ thể là các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe), NL văn học, các NL chung và các PC chủ yếu cho HS.

Chủ đề (topic) được hiểu là những đề tài lớn, có tính khái quát cao, lặp lại ở tất cả các lớp. Còn chủ điểm (theme) là những đề tài nhánh, cụ thể hoá chủ đề, được lựa chọn và sắp xếp ở các lớp phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lí của HS mỗi lớp.

Theo quan điểm lấy HS làm nhân vật trung tâm, các chủ đề của bộ SGK *Tiếng Việt* tiểu học bắt đầu từ nhân vật HỌC SINH (TÔI) và phát triển theo mối quan hệ giữa nhân vật trung tâm ấy với môi trường xung quanh. Có thể hình dung hệ thống chủ đề như sau:



Mỗi chủ đề được triển khai ở mỗi lớp thành một số chủ điểm; mỗi chủ điểm ứng với một hoặc hai bài học (lesson). Thứ tự (TT) và tên cụ thể của các chủ điểm có thể được thay đổi khi triển khai cụ thể vào tài liệu dạy học ở mỗi lớp.

Tên các chủ đề, chủ điểm và bài học trong SGK *Tiếng Việt 3* cụ thể như sau:

Chủ đề	Chủ điểm – bài học	
MĂNG NON	Bài 1. Chào năm học mới	Bài 2. Em đã lớn
	Bài 3. Niềm vui của em	Bài 4. Mái ấm gia đình
	Bài 5. Ôn tập giữa học kì I	
CỘNG ĐỒNG	Bài 6. Yêu thương, chia sẻ	Bài 7. Khối óc và bàn tay
	Bài 8. Rèn luyện thân thể	Bài 9. Sáng tạo nghệ thuật
Bài 10. Ôn tập cuối học kì I		
ĐẤT NƯỚC	Bài 11. Cảnh đẹp non sông	Bài 12. Đồng quê yêu dấu
	Bài 13. Cuộc sống đô thị	Bài 14. Anh em một nhà
	Bài 15. Ôn tập giữa học kì II	Bài 16. Bảo vệ Tổ quốc
NGÔI NHÀ CHUNG	Bài 17. Trái Đất của em	Bài 18. Bạn bè bốn phương
Bài 19. Ôn tập cuối năm		

3. Cấu trúc và thời lượng thực hiện bài học

SGK *Tiếng Việt 3* có 15 bài học chính và 4 bài ôn tập (giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối năm học). Mỗi bài học chính ứng với một chủ điểm, được học trong 2 tuần (14 tiết), trừ bài 18 được học trong 3 tuần. Bài học chính được thiết kế theo các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, với thời lượng cụ thể như sau⁽¹⁾:

(1) Tỷ lệ đọc, viết, nói, nghe và đánh giá so với yêu cầu của CT môn học:

Kĩ năng	Quy định của Chương trình	Thực hiện
Đọc	Khoảng 63% (4 tiết/tuần)	4 tiết Tập đọc + đọc trong các hoạt động khác
Viết	Khoảng 22% (1,5 tiết/tuần)	2 tiết Viết
Nói, nghe	Khoảng 10% (0,7 tiết/tuần)	1 tiết Nói và nghe
Đánh giá	Khoảng 5% (12 tiết/năm)	14 tiết Ôn tập, đánh giá/năm

TUẦN THỨ 1 CỦA BÀI HỌC		TUẦN THỨ 2 CỦA BÀI HỌC	
– Bài đọc 1	2 tiết	– Bài đọc 3	2 tiết
– Bài viết 1 (Tập viết)	1 tiết	– Bài viết 3 (Chính tả)	1 tiết
– Nói và nghe	1 tiết	– Nói và nghe	1 tiết
– Bài đọc 2	2 tiết	– Bài đọc 4	2 tiết
– Bài viết 2 (Tập làm văn)	1 tiết	– Bài viết 4 (Góc sáng tạo)	1 tiết

Trong mỗi tuần, cứ sau một bài đọc và một bài viết, SGK bố trí một tiết rèn luyện kĩ năng nói và nghe.

B. NỘI DUNG, QUY TRÌNH DẠY CÁC BÀI HỌC

1. Đọc

1.1. Thời lượng

a) Bài đọc chính: 2 tiết / bài đọc; 2 bài đọc / tuần x 2 tuần (gọi là *Bài đọc 1*, *Bài đọc 2*, *Bài đọc 3*, *Bài đọc 4*).

b) Tự đọc sách báo: HS thực hiện ở nhà.

1.2. Mục tiêu

a) Bài đọc chính: Rèn luyện kĩ năng đọc, trang bị kiến thức về văn học, tiếng Việt, kiến thức và một số kĩ năng sống (củng cố hiểu biết về bản thân và gia đình; mở rộng hiểu biết về cộng đồng xã hội và đất nước; bước đầu làm quen với một số nền văn hoá trong khu vực và một số vấn đề chung của thế giới như bảo vệ môi trường, hoà bình, hợp tác, hữu nghị).

b) Tự đọc sách báo: Rèn luyện kĩ năng đọc, trang bị kiến thức về văn học, tiếng Việt, kiến thức và một số kĩ năng sống.

1.3. Cấu trúc

1.3.1. Bài đọc chính

a) Tên bài đọc: Tên gốc của văn bản đọc (VD: *Ngày khai trường* là tên gốc bài thơ của Nguyễn Bội Vội) hoặc tên đoạn trích do tác giả SGK đặt (VD: *Nhớ Việt Bắc* là tên đoạn trích bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu).

b) Các hoạt động

– Đọc thành tiếng: Đọc thành tiếng câu văn, đoạn văn và toàn bộ văn bản.

– Đọc hiểu: Trả lời các CH đọc hiểu (3 – 4 câu).

– Luyện tập: Làm BT (2 – 3 BT) để hiểu rõ hơn bài đọc và hình thành kiến thức, kĩ năng về tiếng Việt và văn học.

1.3.2. Tự đọc sách báo

a) Tên hoạt động: Tên đề tài của văn bản đọc phù hợp với chủ điểm của bài học trong SGK.

b) Các hoạt động

– HS tự đọc sách và ghi chép thông tin đơn giản về văn bản đọc theo yêu cầu của GV.

– HS kể lại văn bản đã đọc trong một số tiết Nói và nghe theo yêu cầu trong SGK.

1.4. Quy trình dạy bài đọc chính

1.4.1. Khởi động và giới thiệu bài

– Đối với các bài đọc mở đầu một chủ điểm, GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ nêu ở phần Chia sẻ bằng các biện pháp dạy học khác nhau.

– Đối với các bài đọc khác, GV gắn/chuỗi lên bảng/màn hình tranh ảnh minh họa/video; giới thiệu tên bài đọc. Mời HS nói tên những sự vật trong tranh ảnh; đoán nội dung câu chuyện, bài thơ, bài văn.

– GV giới thiệu bài đọc, tạo hứng thú cho HS.

1.4.2. Hướng dẫn đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu 1 lượt.

– GV tổ chức cho HS (cá nhân, bàn, tổ) đọc thành tiếng các câu, đoạn văn, khổ thơ; cả lớp đọc đồng thanh toàn bài.

– GV đọc mẫu thêm 1 lượt.

1.4.3. Hướng dẫn đọc hiểu

– GV tổ chức cho HS trả lời các CH đọc hiểu bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (làm việc độc lập; thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép, khăn trải bàn,...).

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (vấn đáp, đóng vai phỏng vấn, khăn trải bàn, phòng tranh, ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

1.4.4. Hướng dẫn luyện tập

– GV tổ chức cho HS làm các bài luyện tập bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau.

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau.

1.4.5. Cùng cố, dặn dò

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

- GV nhận xét về 2 tiết học, khen ngợi HS, dặn dò những điều cần thiết.

1.5. Hướng dẫn tự đọc sách báo

– GV giao nhiệm vụ cho HS tự đọc sách báo ở nhà theo quy định của CT môn Ngữ văn; đề tài văn bản đọc phù hợp với chủ điểm đang học. Để dễ tìm bài đọc theo đúng chủ điểm, HS nên sử dụng quyển *Truyện đọc lớp 3* (Cánh Diều – NXB Đại học Sư phạm).

– GV thường xuyên kiểm tra hoạt động tự đọc sách báo của HS qua phiếu đọc sách.

– HS báo cáo kết quả tự đọc sách báo trong các tiết Trao đổi về các câu chuyện, bài thơ, bài văn đã đọc ở nhà.

2. Viết

2.1. Thời lượng

a) Bài viết chính: Tuần chẵn có 2 bài viết chính, tuần lẻ có 1 bài viết chính, mỗi bài viết dạy trong 1 tiết (gọi là *Bài viết 1*, *Bài viết 2*, *Bài viết 3*).

b) Góc sáng tạo: 1 tiết / hoạt động / tuần thứ 2 của một bài học (một chủ điểm).

2.2. Mục tiêu

a) Bài viết chính: Rèn luyện kỹ năng viết chữ, viết chính tả, viết đoạn văn và văn bản ngắn.

b) Góc sáng tạo: Rèn luyện tư duy sáng tạo và kỹ năng vận dụng những điều đã học vào thực tế dưới hình thức viết, vẽ, sưu tầm tài liệu và trưng bày sản phẩm.

2.3. Cấu trúc

2.3.1. Bài viết chính

a) Tên bài viết: Tên nội dung tập viết (VD: *Ôn các chữ B, C*), chính tả (VD: Nghe – viết bài thơ *Bé út của nhà* của Nguyễn Khắc Hào) hoặc tập làm văn (VD: *Viết thư thăm bạn*).

b) Các hoạt động

– Tập viết: Viết tên riêng và câu ứng dụng có chữ hoa cần ôn tập.

– Viết chính tả:

+ Ôn tập bảng chữ cái: Viết chữ và tên chữ, trọng tâm là những chữ được ghép từ 2, 3 chữ cái và TT của chúng trong bảng chữ cái (để chuẩn bị cho việc tra từ điển ở lớp 4 theo YC của CT GDPT mới).

+ Chính tả đoạn, bài: Nghe – viết, nhớ – viết một đoạn văn, một đoạn thơ.

+ Chính tả âm, vần: Tìm chữ, dấu thanh hoặc vần phù hợp với chỗ trống để viết đúng các vần khó hoặc khắc phục lỗi chính tả do đặc điểm phát âm của địa phương.

– Tập làm văn: Viết đoạn văn hoặc văn bản ngắn theo yêu cầu, kèm theo tranh tự vẽ hoặc ảnh.

2.3.2. Góc sáng tạo

a) Tên hoạt động: Tên đề tài của hoạt động sáng tạo (VD: *Ý tưởng của em*).

b) Các hoạt động

– Tạo lập các văn bản đa phương thức (viết kết hợp vẽ tranh, cắt dán tranh ảnh, làm sản phẩm thủ công).

– Tổ chức trưng bày sản phẩm hoặc thực hiện các hoạt động trải nghiệm khác.

2.4. Quy trình dạy bài tập viết (Bài viết 1)

2.4.1. Hướng dẫn viết chữ hoa

– GV cho HS quan sát mẫu chữ, hướng dẫn nhận xét về đặc điểm, cấu tạo chữ (chiều cao, độ rộng).

– GV chỉ dẫn cách viết (chiều cao, độ rộng, các nét; không yêu cầu HS nhắc lại).

– HS viết chữ hoa vào bảng con.

2.4.2 Hướng dẫn viết từ, câu ứng dụng

– GV cho HS đọc từ (tên riêng) hoặc câu ứng dụng; giải nghĩa từ ngữ mới hoặc từ ngữ khó.

– GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:

+ Độ cao của các chữ cái

+ Cách đặt dấu thanh, cách nối nét, cách để khoảng cách giữa các tiếng...

– HS viết từ (tên riêng), câu ứng dụng vào bảng con.

– HS viết từ (tên riêng), câu ứng dụng vào vở *Luyện viết 3* (hoặc vở ô li).

2.4.3. Cùng cố, dặn dò

GV đánh giá khoảng 5 – 7 bài; nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm, động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

2.5. Quy trình dạy bài chính tả nghe – viết (trong Bài viết 3)

2.5.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

– GV đọc 1 lượt bài nghe – viết.

– GV hướng dẫn HS hiểu nội dung bài nghe – viết (từ ngữ khó, ý nghĩa của bài,...).

– GV cho HS viết những tiếng dễ viết sai vào bảng con.

2.5.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

– GV đọc, HS viết; mỗi lần đọc 1 cụm từ 2 lần.

– HS viết bài vào vở *Luyện viết 3* hoặc vở ô li. Yêu cầu viết chữ hoa như đã nêu ở mục 2.4.

– GV đọc chậm 1 lượt, HS soát lại bài, sửa lỗi.

2.5.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV chiếu một vài bài viết của HS lên màn hình, hướng dẫn HS nhận xét.

– GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

2.6. Quy trình dạy bài chính tả nhớ – viết (trong Bài viết 3)

2.6.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

– GV đọc mẫu 1 lượt bài chính tả nhớ – viết.

– GV mời HS (cá nhân, cả lớp) đọc thuộc lòng bài chính tả nhớ – viết.

– GV hướng dẫn HS viết những tiếng dễ viết sai vào bảng con.

2.6.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

– HS viết bài vào vở *Luyện viết 3* hoặc vở ô li. Yêu cầu viết chữ hoa như đã nêu ở mục 2.4.

– GV đọc chậm 1 lượt, HS soát lại bài, sửa lỗi.

2.6.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV chiếu một vài bài viết của HS lên màn hình, hướng dẫn HS nhận xét.

– GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

2.7. Quy trình dạy bài tập chính tả âm, vần (trong Bài viết 3)

2.7.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

– GV mời 1, 2 HS đọc BT.

– GV có thể mời 1, 2 HS làm mẫu trước lớp.

2.7.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

– HS làm bài trong vở *Luyện viết 3*. Vở *Luyện viết 3* đã in sẵn đề bài và có chỗ trống cho HS viết. Trong trường hợp HS không dùng vở *Luyện viết 3* mà dùng vở ô li thông thường thì không cần chép đề bài, chỉ cần viết số TT bài tập và ghi vắn tắt kết quả. VD, đề làm BT 2 Bài 7, HS không cần chép lại câu lệnh “2. Chọn vần phù hợp với ô trống: a) Vần êu hay êu?; b) Vần uy hay iu?” mà chỉ cần ghi số TT bài tập và kết quả: 2a: tiếng kêu, nguên ngoào, máu máo, thì thảo; 2b: khuỷu tay, ngưng nghịu, ngã khuỷu, khúc khuỷu.

– GV theo dõi, hướng dẫn HS.

2.7.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV hướng dẫn HS chữa BT bằng nhiều hình thức khác nhau, VD: mời một

vài HS chữa bài trên bảng lớp (hoặc trên màn hình nếu sử dụng SGK điện tử hoặc phương tiện công nghệ thông tin); tổ chức thi giải BT giữa các nhóm,...

– Sau mỗi lần chữa bài, GV cho lớp nhận xét, đánh giá và nêu nhận xét, đánh giá của GV theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

2.7.4. Cùng cố, dặn dò

Kết thúc *Bài viết 3* (gồm các hoạt động tập viết; tập chép / nghe – viết và làm các BT chính tả âm, vần, GV nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm, động viên kết quả tốt, sự tiến bộ của HS.

2.8. Quy trình dạy tập làm văn (Bài viết 2)

2.8.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV mời 1, 2 HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT.
- GV mời 1, 2 HS làm mẫu, nêu cần.

2.8.2. Tổ chức cho học sinh thực hiện nhiệm vụ

- a) Đối với các bài tập làm văn gồm 2 nhiệm vụ đọc và viết
- GV tổ chức cho HS đọc, trả lời CH (nhANH).
 - GV tổ chức cho HS viết vào vở bài tập Tiếng Việt 3 hoặc vở ô li. Đây là trọng tâm của bài, cần được dành nhiều thời gian.
- b) Đối với các bài tập làm văn gồm 2 nhiệm vụ nói và viết
- GV tổ chức cho HS nói theo yêu cầu (nhANH).
 - GV tổ chức cho HS viết (trọng tâm của bài, cần dành nhiều thời gian).

2.8.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

- GV mời một vài HS đọc bài làm.
- GV mời cả lớp nhận xét bài làm của bạn (nên hướng dẫn các em tìm ra những điểm tốt trong bài của bạn).
- GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

2.9. Quy trình tổ chức hoạt động Góc sáng tạo (Bài viết 4)

2.9.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV mời 1, 2 HS đọc BT và gợi ý.
- GV mời 1, 2 HS làm mẫu, nêu cần.

2.9.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm bài (vào *Vở bài tập Tiếng Việt 3* hoặc giấy rời để có thể trưng bày và lưu lại); thực hiện một số hoạt động khác (giới thiệu và bình chọn sản phẩm, biểu diễn tiết mục văn nghệ, đồ vui,...).

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở lớp và ở nhà.

2.9.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng các hình thức trưng bày, giới thiệu, bình chọn sản phẩm phù hợp với mỗi hoạt động sáng tạo.

– GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

3. Nói và nghe

3.1. Thời lượng: Mỗi tuần 1 tiết (gọi là *Kể chuyện hoặc Trao đổi*).

3.2. Mục tiêu: Rèn kĩ năng nghe và nói.

3.3. Cấu trúc

a) Tên bài: Tên hoạt động nghe – nói (VD: *Kể chuyện; Trao đổi: Em đọc sách báo*).

b) Các hoạt động

– Nghe và kể lại một mẩu chuyện.

– Kể hoặc phân vai đọc lại câu chuyện đã học ở bài đọc.

– Phân vai thể hiện lại câu chuyện đã học ở bài đọc (diễn kịch).

– Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc ở nhà; trao đổi về câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó.

– Quan sát và nói theo đề tài.

– Nói theo đề tài cho trước hoặc tự chọn.

3.4. Quy trình dạy bài nghe và kể lại một mẩu chuyện

3.4.1. Khởi động và giới thiệu bài

– Quan sát và phỏng đoán (khái thác kênh hình): GV gắn/chiếu lên bảng/màn hình tranh minh họa/video; giới thiệu tên truyện. Mời HS nói tên các nhân vật trong tranh; đoán nội dung câu chuyện.

– GV giới thiệu câu chuyện, tạo hứng thú cho HS.

3.4.2. Khám phá và luyện tập

– HS nghe thầy cô kể chuyện/hoặc xem video (3 lần).

+ Lần 1: GV kể không chỉ tranh, HS nghe toàn bộ câu chuyện.

+ Lần 2: GV vừa chỉ từng tranh vừa kể thật chậm, HS nghe và quan sát tranh.

+ Kể lần 3 (như lần 2) để HS một lần nữa khắc sâu nội dung câu chuyện.

– HS trả lời CH theo tranh.

+ Mỗi HS lớp 3 cần có khả năng trả lời toàn bộ các CH dưới tranh.

+ Tuy nhiên, trong nửa đầu học kì I, HS vùng gặp khó khăn trong học tập có thể trả lời CH dưới 1, 2 tranh.

- HS kể chuyện theo tranh (GV không nêu CH).
- + Mỗi HS nhìn 1 tranh, tự kể chuyện.
- + HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi bốc thăm hoặc *Ô cửa bí mật*).
- + 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo tranh.

Đối với các lớp có trình độ khá, GV có thể tổ chức cho HS kể chuyện phân vai, trong đó GV (hoặc 1 HS giỏi) vào vai người dẫn chuyện.

- HS tìm hiểu ý nghĩa, lời khuyên bổ ích của câu chuyện, nói điều các em hiểu ra qua câu chuyện, với sự giúp đỡ của thầy cô.

- GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

3.4.3. Cùng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện mới học và nghe người thân kể những chuyện tương tự.

3.5. Quy trình tổ chức các hoạt động khác

Việc tổ chức các hoạt động khác (kể lại hoặc phân vai đọc lại câu chuyện đã học; kể lại hoặc đọc lại câu chuyện, bài thơ, bài văn đã đọc ở nhà; quan sát và nói theo đề tài; nói theo đề tài cho trước hoặc tự chọn) được thực hiện theo các bước sau:

3.5.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV mời 1, 2 HS đọc nhiệm vụ ở BT.
- GV mời 1, 2 HS làm mẫu một phần BT, nếu cần.

3.5.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

- HS làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ.
- GV theo dõi, hướng dẫn HS làm BT; giải đáp thắc mắc cho HS, nếu cần.

3.5.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

- GV mời HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng nhiều hình thức khác nhau.
- GV mời HS trong lớp nêu nhận xét (nên hướng dẫn các em tìm ra những điểm tốt trong bài của bạn).

3.5.4. Cùng cố, dặn dò

GV khen ngợi những HS đã thực hiện tốt; dặn HS chia sẻ với người thân về câu chuyện, BT mà các em đã kể hoặc đã nghe, đã làm.

4. Tự đánh giá

4.1. Thời lượng: Sau mỗi bài học, HS thực hiện ở nhà theo hướng dẫn trong SGK.

4.2. Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh hoạt động học tập.

4.3. Cấu trúc

- a) Tên hoạt động: Tự đánh giá.
- b) Các hoạt động
 - Tổng kết những điều đã biết sau 1 bài học (1 chủ điểm).
 - Tổng kết những điều đã làm được sau 1 bài học (1 chủ điểm).

4.4. Việc tổ chức hoạt động tự đánh giá

- GV giao nhiệm vụ cho HS sau mỗi bài học, tự đánh giá ở nhà.
- GV thường xuyên kiểm tra hoạt động tự đánh giá của HS qua *Vở bài tập Tiếng Việt 3* hoặc phiếu học tập.

5. Ôn tập

5.1. Thời lượng: 7 tiết / bài (bổ trí vào các tuần 9, 18, 27 và 35).

5.2. Mục tiêu: Ôn tập, đánh giá.

5.3. Cấu trúc

- a) Tên bài: *Ôn tập giữa (cuối) học kì, Ôn tập cuối năm.*
- b) Các hoạt động
 - Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng và học thuộc lòng (HTL): Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; mỗi tiết học đánh giá khoảng 20% số HS trong lớp.
 - Luyện tập đọc hiểu và viết: Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; HS đọc hiểu một số văn bản và làm BT để chuẩn bị cho bài đánh giá các kĩ năng đọc hiểu và viết.
 - Luyện tập nói và nghe: Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; HS nghe và kể lại một số mẫu chuyện để củng cố các kĩ năng nói và nghe.
 - Đánh giá các kĩ năng đọc hiểu và viết: Thực hiện trong các tiết 6, 7. Bài luyện tập trong SGK là gợi ý để HS luyện tập và GV ra đề phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT).

+ Đánh giá kĩ năng đọc hiểu:

- Văn bản đọc hiểu (có độ dài tương tự độ dài của văn bản trong SGK).
- Các CH, BT: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận.

+ Đánh giá kĩ năng viết:

- Chính tả nghe – viết (đoạn văn có độ dài tương tự đoạn văn trong SGK).
- Tập làm văn: viết đoạn văn theo đề tài phù hợp với các chủ điểm đã học.

5.4. Cách hướng dẫn ôn tập

Các dạng BT trong phần này là bài tập đọc; BT về từ, câu; BT viết đoạn văn; BT chính tả (điền chữ, điền vần, điền tiếng và nghe – viết); BT nghe – kể.

– Với các bài tập đọc, GV thực hiện theo quy trình dạy đọc hiểu và luyện tập ở bài tập đọc.

– Với các BT viết đoạn văn, GV cần hướng dẫn để HS nắm được yêu cầu, cách viết; sau đó để HS tự viết và báo cáo kết quả.

– Với các BT chính tả, BT nghe – kể, GV thực hiện theo quy trình dạy bài chính tả, bài nghe – kể.

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Bản chất và ý nghĩa của phương pháp dạy học mới

Để thực hiện mục tiêu đào tạo thế hệ trẻ thành lớp người mới có kiến thức, kỹ năng vững vàng, có tinh thần dám nghĩ dám làm, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà trong bối cảnh hội nhập quốc tế, CT GDPT năm 2018 (CT 2018) được xây dựng theo định hướng hình thành và phát triển NL của HS. Nói một cách vắn tắt, nếu như CT năm 2006 và các CT trước đây trả lời cho CH: “Học xong CT, HS **biết** được những gì?” thì CT 2018 tập trung trả lời cho CH: “Học xong CT, HS **làm** được những gì?”. Phương pháp dạy học (PPDH) thích hợp nhất để thực hiện CT này là *Tổ chức hoạt động*, biểu hiện của triết lý “Lấy học sinh làm nhân vật trung tâm”.

Bản chất của PP *Tổ chức hoạt động* là tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó GV đóng vai trò người tổ chức hoạt động của HS, mỗi HS đều được hoạt động, mỗi HS đều được bộc lộ mình và được phát triển.

Những dấu hiệu đặc trưng của PP *Tổ chức hoạt động* là:

– GV là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động của HS, tạo môi trường học tập thân thiện để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động, không làm thay hoặc áp đặt quan điểm của mình cho HS.

– HS được đặt vào các tình huống có vấn đề, trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm và được khuyến khích đưa ra cách giải quyết vấn đề theo quan điểm riêng của mình.

– Giữa GV với HS và giữa các HS với nhau thiết lập được quan hệ hợp tác nhiều chiều; khi làm việc, không chỉ có câu hỏi GV đặt ra cho HS mà có cả câu hỏi HS đặt ra cho GV hoặc đặt ra cho HS khác.

– HS có hứng thú học tập, có khả năng chủ động đề xuất nội dung học tập và khả năng tự đánh giá.

– Qua hoạt động học tập tích cực, HS được hình thành kiến thức, kỹ năng một cách vững chắc và học được PP tiếp cận vấn đề, PP tự học; ngày càng có nhiều HS thể hiện được bản sắc riêng trong nhận thức, kỹ năng và nhân cách.

Sự ra đời của PP *Tổ chức hoạt động* có lý do thực tế: Kiến thức, kỹ năng (năng lực) chỉ được hình thành, phát triển thông qua hoạt động có ý thức của

con người; những tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp (phẩm chất) cũng chỉ có thể được hình thành qua rèn luyện trong thực tế.

PP Tổ chức hoạt động còn tạo ra NL tự học và hợp tác ở HS, phù hợp với điều kiện tiếp cận thông tin và những yêu cầu đối với người lao động trong xã hội hiện đại.

Dạy học theo PP Tổ chức hoạt động là một giải pháp thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ PP dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kĩ năng, phát triển NL. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.”.

2. Hoạt động của giáo viên trong giờ học theo phương pháp dạy học mới

Khi dạy học theo PP Thuyết trình, hoạt động của GV chủ yếu là bằng lời. Dạy học theo PP Tổ chức hoạt động, GV có ba việc phải làm như sau:

a) Giao việc cho HS. Nội dung của công việc này là:

– Nêu nhiệm vụ thầy và trò cần thực hiện trong tiết học. Thông thường, đây là những nhiệm vụ đã được nêu trong SGK. Nhưng cũng không ít trường hợp, đó là những nhiệm vụ do GV bổ sung căn cứ tình hình cụ thể của lớp hoặc nhiệm vụ do chính HS đề xuất.

– Cho HS thực hiện một phần nhiệm vụ (làm mẫu, làm thử) nếu nhiệm vụ đặt ra trong những CH, BT ấy là khó hoặc mới đối với HS. Sau khi cả lớp đã hoàn thành nhiệm vụ làm thử, GV tổ chức chữa bài để giúp HS nắm được cách làm và nhắc nhở những điểm HS cần chú ý khi làm bài.

– Nêu yêu cầu về hình thức hoạt động của HS (làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, hoặc làm việc theo lớp) để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đã giao.

b) Tổ chức cho HS làm việc

Hoạt động của HS trong tiết học Tiếng Việt theo PP Tổ chức hoạt động là hoạt động giao tiếp (đọc, viết, nghe, nói), phân tích, tổng hợp, cảm thụ, thực hành,... Trong quá trình HS làm việc, GV cần kiểm tra công việc của các em. Nội dung kiểm tra là:

– Xem HS có làm việc không; nếu HS không làm việc thì cần tìm hiểu lí do, động viên các em làm việc để đảm bảo yêu cầu tích cực hoá hoạt động học tập của người học.

– Xem HS có hiểu việc phải làm không; nếu HS không hiểu việc phải làm thì cần giải thích, hướng dẫn lại cho HS làm để hoạt động của các em đạt được mục đích đề ra.

– Trả lời thắc mắc của HS.

c) *Tổ chức cho HS báo cáo và đánh giá kết quả làm việc*

HS có thể báo cáo trực tiếp với GV, báo cáo trong nhóm, báo cáo trước lớp. Các hình thức báo cáo có thể là: báo cáo bằng miệng, bằng phiếu học tập, bằng con hoặc bằng cách trình bày trên bảng lớp, trên máy chiếu; cá nhân trình bày hay thi đua giữa các nhóm,... Theo PPDH mới, người đánh giá HS không nhất thiết là GV. Có thể hướng dẫn để HS tự đánh giá hoặc đánh giá nhau trong nhóm hoặc trước lớp.

Thực hiện PP Tổ chức hoạt động không có nghĩa là loại bỏ các PPDH truyền thống, đoạn tuyệt với những kinh nghiệm và kĩ thuật dạy học đã tích lũy được. Sự vận dụng đúng lúc, đúng chỗ, đúng mức một số PPDH truyền thống có thể bù đắp cho những hạn chế dễ mắc phải nếu chưa hiểu biết thấu đáo về PP Tổ chức hoạt động. VD, khi hướng dẫn HS làm việc, nếu HS chưa hiểu cách làm, GV phải giảng giải cách thực hiện nhiệm vụ cho các em; lúc giới thiệu bài, lúc liên hệ, tổng kết hay củng cố, dặn dò, GV cũng không tránh được việc thuyết trình. Điều quan trọng nhất là GV không lấy việc giảng bài làm chính, không nói thay, làm thay học trò, đặt học trò vào vai thụ động, ngồi nghe GV thuyết trình.

3. Hoạt động của học sinh trong giờ học theo phương pháp dạy học mới

3.1. Các loại hoạt động

Bài học trong SGK *Tiếng Việt 3* được thiết kế theo mô hình hoạt động. Mỗi bài học gồm 5 loại hoạt động: Chia sẻ (Khởi động), Khám phá, Luyện tập, Vận dụng và Tự đánh giá. Tuy nhiên, một bài học (2 tuần) gồm nhiều nội dung: Đọc, Viết chính tả, Tập viết, Tập làm văn, Góc sáng tạo, Nói và nghe, Tự đánh giá, Ôn tập. Không nhất thiết là việc thực hiện mỗi nội dung này đều phải bao gồm đủ 5 loại hoạt động. Mặt khác, trong một bài học cũng như trong mỗi nội dung học tập, các loại hoạt động có thể xen kẽ nhau, chứ không nhất thiết chỉ theo một TT nhất định.

Có thể hình dung như sau:

(1) Chia sẻ (Khởi động): Nội dung của loại hoạt động này là tổ chức cho HS thực hiện một số hoạt động hoặc chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến

bài học để chuẩn bị cho bài học. SGK chỉ hướng dẫn hoạt động Chia sẻ về chủ điểm ở tiết học mở đầu mỗi bài học. GV nên coi đây là gợi ý tham khảo và có thể tổ chức hoạt động theo cách khác, miễn là hoạt động đó giúp HS chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học. Đồng thời, đối với mỗi nội dung đọc, viết, nói và nghe trong bài học, GV cũng có thể bắt đầu bằng cách tổ chức một hoạt động mở đầu phù hợp.

(2) Khám phá: Loại hoạt động này đặt HS trước yêu cầu xử lí tình huống (tình huống mới hoặc tình huống đã gặp nhưng có nhiệm vụ mới) để giúp các em có những hiểu biết và kinh nghiệm mới. Một bài học không phải chỉ có một hoạt động khám phá mà mỗi nội dung đọc, viết, nói và nghe trong bài học đều có thể có những BT giúp HS khám phá kiến thức mới. VD: tiếp xúc với mỗi bài đọc, HS đều được hướng dẫn đọc hiểu bằng các CH; ở mỗi tiết tập viết, HS đều được hướng dẫn để biết cách viết một chữ hoa; đó đều là các hoạt động khám phá.

(3) Luyện tập: Loại hoạt động này đặt HS vào những tình huống và nhiệm vụ tương tự tình huống, nhiệm vụ mới học để giúp các em củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng thực hành. Trong hoạt động đọc, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các BT ở mục *Luyện tập* sau mỗi văn bản đọc hiểu và luyện tập thông qua hình thức *Tự đọc sách báo* ở nhà. Trong hoạt động viết, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các BT viết đoạn văn. Trong hoạt động nói và nghe, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các BT kể chuyện, diễn kịch, thảo luận.

(4) Vận dụng: Mục đích của loại hoạt động này là ứng dụng những điều đã học để nhận thức, phát hiện và giải quyết những tình huống có thực trong đời sống. Trong tất cả các hoạt động đọc, viết, nói và nghe đều có những CH giúp HS liên hệ với bản thân và cuộc sống. Cuối mỗi bài học (mỗi chủ điểm học tập), sách *Tiếng Việt 3* đều tổ chức một hoạt động gọi là *Góc sáng tạo*. Đó là hoạt động khơi dậy tiềm năng sáng tạo và giúp HS vận dụng toàn bộ những điều đã học trong chủ điểm vào cuộc sống.

(5) Tự đánh giá: Cuối mỗi chủ điểm học tập, sách *Tiếng Việt 3* có một bảng tổng kết giúp HS tự đánh giá những điều đã biết, những việc đã làm được trong chủ điểm đó. GV hướng dẫn HS tự đọc và đánh dấu vào bảng tổng kết ở nhà (bảng tổng kết in trong SGK và in lại ở vở bài tập để HS không viết vào SGK). GV có thể dựa vào bảng tổng kết này để ra BT đánh giá HS. Cha mẹ HS cũng có thể dựa vào bảng tổng kết này để biết yêu cầu của mỗi chủ điểm học tập, qua đó, đánh giá xem con đạt được ở mức nào.

Nói tóm lại mỗi bài học bắt đầu từ kinh nghiệm sống đã có của HS, hướng dẫn HS tích lũy kinh nghiệm mới rồi đem những kinh nghiệm mới ấy ứng dụng

vào đời sống. Quy trình này phù hợp với đặc điểm của NL là gắn với yêu cầu giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và cũng phù hợp với quy luật nhận thức mà V.I. Lê-nin đã tổng kết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của sự nhận thức thực tại khách quan”⁽¹⁾.

3.2. Các hình thức hoạt động

3.2.1. Tổng quan

Các hoạt động Chia sẻ, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng và Tự đánh giá đều có thể được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: Hoạt động lớp (làm việc theo lớp), Hoạt động nhóm (làm việc nhóm), Hoạt động độc lập (làm việc độc lập).

Trong phần lớn các trường hợp, nhất là trong trường hợp CH, BT đề ra đã rất cụ thể, HS sẽ làm việc có hiệu quả hơn khi được làm việc độc lập.

Trong trường hợp CH, BT tương đối trừu tượng hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định và trong trường hợp nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít HS được hoạt động thì làm việc theo nhóm là giải pháp tốt nhất.

Hình thức làm việc chung theo đơn vị lớp được áp dụng chủ yếu trong trường hợp GV thực hiện các khâu giới thiệu bài, củng cố bài, hướng dẫn HS cả lớp hiểu đúng yêu cầu của CH, BT, nhiệm vụ, nêu những CH mà HS không cần phải suy nghĩ lâu hoặc để HS trình bày kết quả làm việc, tổ chức cho các cá nhân hoặc các nhóm HS báo cáo kết quả làm BT,...

3.2.2. Hoạt động lớp

3.2.2.1. Khái niệm

Hoạt động lớp (hoặc Làm việc theo lớp) là một hình thức tổ chức dạy học rất quen thuộc. Trong CT Giáo dục cũ, học theo lớp gần như là cách thức làm việc duy nhất và ở đó hoạt động thuyết trình của GV đóng vai trò trung tâm.

Hình thức dạy học này được kế thừa trong CT Giáo dục mới nhưng thay đổi về bản chất với việc đề cao hoạt động học tập của HS.

3.2.2.2. Một số biện pháp Hoạt động lớp

a) Biện pháp Phân tích mẫu: *Phân tích mẫu* là tác động vào vật liệu mẫu bằng những cách khác nhau để làm rõ cấu tạo và quy luật vận động của sự vật, hiện tượng.

Về nguyên tắc, vật liệu mẫu cần có dung lượng vừa đủ, nghĩa là gọn và thể hiện đầy đủ đặc điểm của đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ cần phân tích. Có như vậy, sau

(1) Dẫn theo *Từ điển triết học*, Nhà xuất bản (NXB) Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1989, trang 179.

hoạt động phân tích mẫu, HS mới rút ra được đầy đủ các đặc điểm của đối tượng. Yêu cầu “vừa đủ” của vật liệu mẫu cũng tạo điều kiện cho HS tập trung vào sự kiện chính, tránh phân tán tư tưởng. VD, CH trắc nghiệm khách quan với 3 phương án lựa chọn sau đây là biện pháp Phân tích mẫu (các tên địa lí đã dẫn) để giúp HS đi đến nhận thức về cách viết tên địa lí Việt Nam:

Tên riêng hồ Ba Bể được viết như thế nào? Chọn ý đúng:

- a) Viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng: Ba Bể
- b) Viết hoa chữ cái đầu của tiếng đầu tiên: Ba bể
- c) Viết hoa chữ cái đầu của tiếng đầu tiên, đặt dấu gạch nối giữa các tiếng: Ba - bể

Yêu cầu tìm hiểu cách viết tên hồ Ba Bể ở BT trên là biện pháp tác động vào một vật liệu mẫu, vừa đủ để giúp HS đi đến nhận thức sơ giản về quy tắc viết tên địa lí Việt Nam.

b) Biện pháp Làm mẫu: *Làm mẫu* là thực hiện một hoạt động để giúp những người quan sát hoạt động ấy hiểu nhiệm vụ họ cần thực hiện và biết cách thực hiện nhiệm vụ.

Hoạt động làm mẫu có thể do GV hoặc một vài HS (thường là HS khá, giỏi) thực hiện.

VD, để hình thành hiểu biết về cấu tạo của biện pháp tu từ so sánh, SGK *Tiếng Việt 3* có BT sau:

Xếp các từ ngữ của một câu có hình ảnh so sánh trong bài thơ “Thả diều” vào chỗ phù hợp trong bảng sau:

M

Sự vật 1	Từ so sánh	Sự vật 2
Diều	là	hạt cau

Bài thơ *Thả diều* (Trần Đăng Khoa) có 4 câu sử dụng hình ảnh so sánh. Để giúp HS thực hiện BT nói trên, GV chỉ cần cho HS phân tích làm mẫu một trong các câu có hình ảnh so sánh; các câu khác sẽ được mỗi HS phân tích một cách độc lập.

c) Biện pháp Rèn luyện theo mẫu: *Rèn luyện theo mẫu* là vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học hoặc mô hình đã biết vào thực hành nhằm củng cố, nâng cao kiến thức, kĩ năng.

Ở lớp 3, các BT viết chữ hoa, đặt câu, dùng dấu câu, viết đoạn văn,... đều là những bài rèn luyện theo mẫu.

d) Biện pháp Sơ đồ hoá (Mô hình hoá): *Sơ đồ hoá* là hình thức tổng kết kiến

thức bằng các hình vẽ kèm theo kí hiệu, màu sắc và lời giải thích ngắn gọn. VD, sơ đồ so sánh đã nêu hoặc sơ đồ về quy trình viết đoạn văn (quy tắc Bàn tay, trang 9, SGK *Tiếng Việt 3*, tập một).

3.2.3. Hoạt động nhóm

3.2.3.1. Khái niệm

Hoạt động nhóm (hoặc Làm việc nhóm) là tổ chức lớp học thành những nhóm nhỏ để HS cùng nhau thực hiện nhiệm vụ học tập bằng cách kết hợp giữa làm việc cá nhân với chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác trong nhóm.

Có ba loại nhóm là nhóm tạm thời, nhóm trung hạn và nhóm dài hạn.

Nhóm tạm thời (nhóm đôi, nhóm vòng tròn gồm hơn 2 HS) là những nhóm có tính chất tức thì, chỉ kéo dài vài phút trong tiết học. Loại nhóm này thích hợp với những công việc có yêu cầu cụ thể, nhất thời, như trả lời một số CH đọc hiểu, làm một số BT tiếng Việt cần có sự hợp tác. Làm việc nhóm là một cách để HS trao đổi với nhau, giúp nhau bổ khuyết vốn hiểu biết, vốn từ.

Nhóm trung hạn được lập ra để đảm bảo cho HS có đủ thời gian hỗ trợ nhau hoàn thành một nhiệm vụ nhất định. Một nhóm trung hạn có thể kéo dài vài ngày hoặc vài tuần, VD: có thể thành lập các nhóm tự đọc sách để HS trao đổi sách báo, cùng đi thư viện, hỗ trợ nhau đọc sách.

Nhóm dài hạn là nhóm được lập ra để HS hỗ trợ lẫn nhau trong suốt một học kì hoặc một năm, VD: nhóm HS ở gần nhà nhau, nhóm HS khá, giỏi và HS yếu,...

Khi tổ chức cho HS học theo nhóm, GV cần chú ý:

– Hạn chế tổ chức nhóm dựa theo khả năng đồng đều của HS. Nhóm gồm toàn HS kém sẽ đưa đến hiệu quả âm. HS kém được bố trí vào nhóm có những bạn khá hơn sẽ có kết quả học khá hơn. Việc học nhóm gồm toàn HS khá, giỏi sẽ cho hiệu quả dương, nhưng rất nhỏ. HS có trình độ trung bình có lợi nhiều nhất trong việc học nhóm cùng trình độ.

– Mỗi nhóm hợp tác chỉ nên có số lượng HS ở mức tối thiểu. Tổ chức nhóm đôi là cách làm phù hợp với hoàn cảnh lớp học có diện tích nhỏ hoặc có cách sắp xếp bàn ghế không thuận tiện cho việc chia nhóm. Nhược điểm của nhóm đôi là hai thành viên dễ thỏa hiệp với nhau trong thảo luận. Do đó, chỉ nên tổ chức nhóm đôi khi thực hiện những nhiệm vụ tương đối đơn giản hoặc khi cần tăng số lượng HS được thực hành tập đọc, kể chuyện trong tiết học. Thông thường, nên tổ chức nhóm 3 hoặc nhóm 4. Những nhóm nhỏ gồm 3, 4 thành viên làm việc có hiệu quả hơn là nhóm lớn.

– Không lạm dụng hình thức Hoạt động nhóm. GV cần dựa trên đặc điểm của từng kiểu CH, BT, nhiệm vụ và đặc điểm của đối tượng HS để cân nhắc nên chọn hình thức Hoạt động lớp, Hoạt động độc lập hay Hoạt động nhóm thì mang lại hiệu

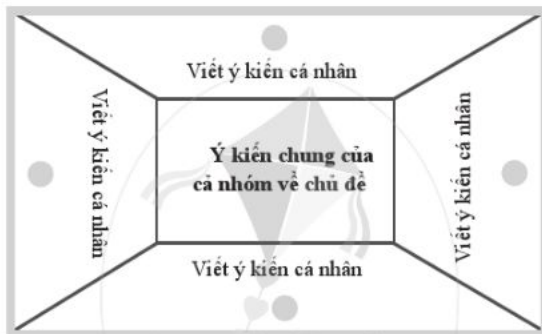
quả cao hơn. Hoạt động nhóm rèn cho HS có kỹ năng hợp tác, chia sẻ nhưng chỉ nên tổ chức khi tin chắc là sẽ mang lại hiệu quả tốt hơn.

3.2.3.2. Một số biện pháp kỹ thuật làm việc nhóm

a) Kỹ thuật Khăn trải bàn

Gọi cách tổ chức này là Khăn trải bàn vì kết quả hợp tác giữa các thành viên trong nhóm được trình bày trên một tờ giấy to (khô A0) giống như một chiếc khăn trải bàn.

Sơ đồ kỹ thuật Khăn trải bàn



Theo cách làm này, mỗi nhóm HS sử dụng một tờ giấy to. Chia tờ giấy thành nhiều phần: phần chính giữa để ghi ý kiến chung và một số phần xung quanh tương ứng với số thành viên của nhóm (VD nhóm 4 HS). Mỗi HS ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh, làm việc độc lập, trả lời đầy đủ các CH, BT hoặc nêu cách giải quyết vấn đề và viết vào phần dành cho mình. Trong trường hợp không đủ chỗ để tất cả các thành viên viết vào “khăn trải bàn”, GV có thể phát cho các thành viên những mảnh giấy nhỏ để ghi lại ý kiến cá nhân, rồi dính vào phần xung quanh “khăn trải bàn”. Những ý kiến trùng nhau có thể dính chồng lên nhau. Sau đó, cả nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến và viết vào phần chính giữa.

Để áp dụng kỹ thuật này phù hợp với điều kiện Việt Nam, thay vì phải tìm những tờ giấy khổ rất to, GV có thể phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A3 hoặc A4 để làm “khăn”. Mỗi HS có thêm 1 tờ giấy nhỏ (xem là 1 góc khăn) kèm bút dạ. Mỗi HS hoàn thành nhanh các CH, BT trên giấy, rồi gắn vào 1 góc khăn. Sau đó, cả nhóm trao đổi, thống nhất đáp án, viết ngắn gọn vào giữa “khăn” (giữa tờ A3). Để nhóm

hoàn thành nhanh nhiệm vụ viết kết quả vào giữa “khăn”, nhóm trưởng phân công mỗi bạn viết đáp án của 1 CH, BT vào mặt còn trắng của mảnh giấy nhỏ, rồi gắn vào giữa khăn. Các nhóm gắn “khăn” lên bảng lớp hoặc treo trên tường và cử đại diện báo cáo kết quả.

b) Kỹ thuật Phòng tranh

Kỹ thuật này giống kỹ thuật Khăn trải bàn, chỉ khác ở hình thức thể hiện: mỗi HS không viết suy nghĩ, ý tưởng của mình vào một góc “khăn trải bàn” mà viết vào một tờ giấy riêng, rồi dính lên bàn, lên bảng lớp hay lên tường, giống như một phòng tranh. Sau đó, cả nhóm tham quan “phòng tranh”, lần lượt nghe tác giả từng “bức tranh” giới thiệu ý kiến của mình. Rồi cùng trao đổi, nhận xét hoặc bình chọn, đánh giá,... Kỹ thuật này có thể áp dụng khi trưng bày các sản phẩm, nhất là các sản phẩm của các bài *Góc sáng tạo*.

c) Kỹ thuật Nhóm tranh luận

Áp dụng kỹ thuật Nhóm tranh luận là tổ chức những nhóm có quan điểm đối lập nhau hoặc khác nhau ở mức độ nhất định để cùng bàn thảo về một vấn đề. Mục tiêu của tranh luận không phải nhằm “đánh bại” những ý kiến khác với mình mà nhằm phát triển kỹ năng tranh luận, đồng thời, giúp các em cùng xem xét một vấn đề với cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn.

Cách tổ chức nhóm tranh luận như sau:

– Trước hết, các thành viên trong lớp được chia thành các nhóm theo những quan điểm khác nhau về một vấn đề được bàn thảo. Việc chia nhóm có thể theo nguyên tắc ngẫu nhiên hoặc theo nguyện vọng của các thành viên muốn đứng trong nhóm ủng hộ hay phản đối.

– Từng nhóm trao đổi, lập luận để bảo vệ quan điểm của nhóm mình.

– Mỗi nhóm lần lượt cử đại diện trình bày lập luận của mình và phản bác quan điểm của nhóm khác.

– Sau cùng, cả lớp thảo luận chung, đi đến đánh giá và kết luận.

Dưới đây là một VD về tổ chức nhóm tranh luận ở bài đọc *Phố phường Hà Nội* (SGK *Tiếng Việt 3*, tập hai). Đây là CH 4 của bài đọc: *Bài ca dao ghép tên các phố ở Hà Nội thành thơ. Theo em, điều đó có ý nghĩa gì? Chọn ý em thích:*

- a) Phố phường Hà Nội là một bài thơ đẹp.
- b) Hà Nội đẹp như một bài thơ.
- c) Tác giả rất yêu mến Hà Nội.
- d) Một ý khác (nêu ý đó).

GV có thể tổ chức cho HS tranh luận theo các bước như sau:

Bước 1: HS đọc và giải thích yêu cầu của BT. Mỗi người có thể đưa ra cách giải quyết của mình. Cần trao đổi, tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình, đồng thời thuyết phục nhau, làm sáng tỏ vấn đề.

Bước 2: Hình thành các nhóm theo 4 gợi ý của SGK. Có thể áp dụng cách tập hợp nhóm như sau: 1 HS giờ tâm biến ghi ý kiến (VD: Ý kiến a / Ý kiến b / Ý kiến c / Ý kiến khác), HS tán thành ý kiến nào thì ngồi vào nhóm ấy.

Bước 3: Các nhóm trao đổi, lập luận để bảo vệ ý kiến của nhóm mình, phản bác ý kiến của nhóm bạn. GV tôn trọng quan điểm riêng của HS, hướng dẫn và giúp đỡ từng nhóm.

d) Kỹ thuật XYZ

XYZ là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, còn Z là thời gian tính bằng phút dành cho mỗi người. Chẳng hạn, nếu giá trị cụ thể của XYZ là 522 thì hoạt động nhóm diễn ra như sau⁽¹⁾:

– Mỗi nhóm gồm 5 HS, mỗi HS viết 2 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 2 phút về cách giải quyết một vấn đề, chuyển cho bạn bên cạnh, tiếp tục cho đến khi tất cả HS trong nhóm đều viết và chuyển xong ý kiến của mình.

– Sau khi thu thập ý kiến, nhóm trưởng tổ chức cho nhóm thảo luận về các ý kiến đó.

VD, để hoàn thành BT *Em hãy đặt một câu hỏi để tự hỏi mình* (Mẫu: *Minh đã đọc truyện này ở đâu rồi ấy nhỉ?*)⁽²⁾, mỗi nhóm 4 HS có thể thực hiện kỹ thuật XYZ (411) như sau: Mỗi HS đặt một câu hỏi để tự hỏi mình trên một tờ giấy trong 1 phút, chuyển cho bạn bên cạnh cho đến khi cả nhóm đều hoàn thành nhiệm vụ.

Dưới đây là VD về 4 CH:

- (1) Minh đã gặp bạn này ở đâu rồi ấy nhỉ?
- (2) Minh có nên nói điều đó với cô giáo không?
- (3) Minh không nhớ ai đã nói như vậy?
- (4) Cậu có thừa cái bút nào không?

Nhóm trưởng tổ chức cho cả nhóm trao đổi về từng câu hỏi để biết câu hỏi được đặt đúng hay sai. Chẳng hạn, câu 1 và 2 được đặt đúng, trong đó câu 1 (*Minh đã gặp bạn này ở đâu rồi ấy nhỉ?*) rất gần với câu mẫu, còn câu 2 (*Minh có nên nói điều đó với cô giáo không?*) đạt mức sáng tạo cao hơn. Các câu 3, 4 đặt không đúng. Câu 3 (*Minh không nhớ ai đã nói như vậy?*), tuy có từ nghi vấn (*ai*) nhưng không phải là câu hỏi, không được đặt dấu chấm hỏi. Còn câu 4 (*Cậu có thừa cái*

(1) Theo Meier Bernd, Nguyễn Văn Cường, *Phát triển năng lực thông qua phương pháp và phương tiện dạy học mới*, Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông, Hà Nội, 2008.

(2) *Tiếng Việt 4*, tập một, SGK 2008, trang 132.

bút nào không?) là câu hỏi nhưng không phải để tự hỏi mình như yêu cầu của đề bài. Qua thảo luận, HS trong nhóm sẽ hiểu bài chắc chắn hơn và có kỹ năng tạo lập kiểu CH dùng để tự hỏi mình.

e) Kỹ thuật Bê cá

Bê cá là hình thức hoạt động kết hợp thảo luận nhóm với đánh giá về hoạt động ấy, theo đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh theo dõi cuộc thảo luận và đưa ra nhận xét về cuộc thảo luận sau khi nó kết thúc. Những HS quan sát có thể nhận xét về cuộc thảo luận dựa trên một số CH gợi ý như sau:

- Các bạn trong nhóm nói có to, rõ, dễ hiểu không?
- Ý kiến của các bạn đó có đúng không?
- Nhóm trưởng có điều hành để bạn nào cũng được nói không?
- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
- Các bạn trong nhóm có lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau không?...

Cách luyện tập này được gọi là vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh.

Trong quá trình thảo luận, người quan sát và người thảo luận có thể đổi vai. Người quan sát có thể ngồi vào một vị trí trống trong nhóm thảo luận để đặt câu hỏi với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận trong nhóm có dấu hiệu chững lại. Sau khi nhóm đầu hoàn thành nhiệm vụ thì có thể lặp lại với 1 – 2 nhóm khác. Các nhóm này lại ngồi vào vị trí trung tâm.

Ở lớp 3, sử dụng kỹ thuật Bê cá rất thích hợp với hoạt động đọc hiểu và luyện tập trong các bài đọc. VD, có thể áp dụng kỹ thuật Bê cá khi dạy bài đọc *Ngày em vào Đội* (SGK *Tiếng Việt 3, tập một*), *Con kênh xanh giữa lòng thành phố* (*Tiếng Việt 3, tập hai*), *Ở lại với chiến khu* (*Tiếng Việt 3, tập hai*),... GV tổ chức cho mỗi nhóm 5 – 6 HS trao đổi. Sau đó, chọn một nhóm ngồi vào vị trí trung tâm để trả lời các câu hỏi, hoàn thành các BT dưới sự điều hành của nhóm trưởng. Các nhóm khác ngồi xung quanh chứng kiến, đặt câu hỏi, nêu ý kiến, nhận xét, đánh giá. Trong trường hợp có tranh luận, GV sẽ đóng vai cố vấn, trọng tài. Kỹ thuật Bê cá cũng có thể áp dụng trong các tiết Trao đổi, VD: Trong tiết Trao đổi về tiết kiệm nước (SGK *Tiếng Việt 3, tập hai*), sau khi các nhóm hoàn thành BT 1 (*Nghe, kể lại thông tin*), có thể mời một nhóm vào vị trí trung tâm để trao đổi về 2 CH ở BT 2 (*Theo em, vì sao phải tiết kiệm nước? Em đã tiết kiệm nước như thế nào?*). Cả lớp sẽ lắng nghe và nhận xét về cách tổ chức trao đổi và các ý kiến của nhóm đó.

g) Kỹ thuật Mảnh ghép

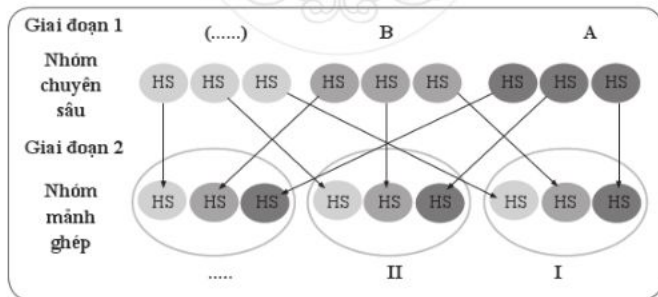
Mảnh ghép là biện pháp kỹ thuật tổ chức hoạt động hợp tác liên nhóm nhằm giải quyết một chuỗi nhiệm vụ độc lập với nhau trong cùng một vấn đề. Theo đó, mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ riêng và sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình, nhóm cử thành viên cùng đại diện các nhóm khác lập ra những nhóm ghép để giải quyết tổng thể vấn đề.

Mảnh ghép được thực hiện qua hai giai đoạn:

– Giai đoạn 1 (nhóm chuyên): Trong giai đoạn này, lớp học được chia thành các nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ riêng. Đây là những nhiệm vụ phi tuyến tính, tức là không nhất thiết phải hoàn thành nhiệm vụ này mới thực hiện tiếp được nhiệm vụ kia. VD, tìm hiểu về lòng dũng cảm, nhóm A tìm những câu chuyện về lòng dũng cảm thể hiện trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; nhóm B tìm những câu chuyện về lòng dũng cảm trong đấu tranh bảo vệ lẽ phải; nhóm C tìm những câu chuyện về lòng dũng cảm trong đấu tranh với chính bản thân mình,... Các nhóm này được gọi là “nhóm chuyên”. Các nhóm làm việc, đảm bảo cho mỗi thành viên trong nhóm trả lời được được tất cả các CH hoặc giải quyết được tất cả các vấn đề trong nhiệm vụ được giao.

– Giai đoạn 2 (nhóm ghép): Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 1, HS từ các nhóm chuyên khác nhau hợp lại thành những nhóm mới, gọi là nhóm ghép. Lúc này, mỗi HS “chuyên” trở thành một “mảnh” trong nhóm ghép. VD, các nhóm ghép I, II,... đều được tạo ra từ các mảnh ghép A, B,... Mỗi HS – “mảnh ghép” lần lượt trình bày lại nội dung mảnh ghép mà mình nắm bắt được ở giai đoạn 1, trên cơ sở đó, các nhóm ghép hoàn thành việc giải quyết vấn đề, VD: hiểu thế nào là *dũng cảm*.

Sơ đồ kỹ thuật Mảnh ghép⁽¹⁾



(1) Theo Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên), *Day và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Dự án Việt – Bỉ, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010, trang 63.

Trong học tập, kĩ thuật Mảnh ghép giúp HS tiết kiệm được thời gian khi gặp phải những vấn đề mang tính phức hợp, đồng thời, tăng cường vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác. Mỗi HS không chỉ cần hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 1 mà còn phải biết cách truyền đạt kết quả cho các bạn ở nhóm ghép và hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn 2.

Để tổ chức hoạt động phù hợp với điều kiện của lớp học, GV có thể chọn 1 trong 2 cách sau:

1. Lấy các nhóm đã có sẵn trong lớp (VD: các tổ học tập) làm nhóm chuyên; mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ (VD: trả lời 1 CH đọc hiểu); sau khi hoàn thành nhiệm vụ, nhóm cử thành viên cùng đại diện các nhóm khác lập ra những nhóm mới để giải quyết tổng thể vấn đề (VD: trả lời tất cả các CH đọc hiểu).

2. Tổ chức nhóm chuyên từ thành viên của các nhóm đã có sẵn trong lớp; mỗi nhóm chuyên là một mảnh ghép, thực hiện một nhiệm vụ (VD: trả lời 1 CH đọc hiểu); sau khi hoàn thành nhiệm vụ, các thành viên của nhóm trở về nhóm xuất phát cùng các bạn trong nhóm giải quyết tổng thể vấn đề (VD, trả lời tất cả các CH đọc hiểu).

3.2.4. Hoạt động độc lập

Hoạt động độc lập (Làm việc độc lập) là làm việc cá nhân, theo đó, mỗi HS tự hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình mà không có hoặc có rất ít sự trao đổi, trợ giúp của bạn học.

Nhiều GV, trong đời mới PPDH hiện nay, thường quá đề cao PP làm việc nhóm, thậm chí có xu hướng lạm dụng PP này. Thực ra, phần lớn thời gian học trên lớp nên được dành để HS làm việc độc lập, nhất là trong trường hợp nhiệm vụ học tập đã cụ thể, rõ ràng. Được làm việc độc lập, mỗi HS sẽ có điều kiện để suy nghĩ sâu hơn, thấm thía hơn về bài học và rèn luyện kĩ năng thuần thục hơn, bản lĩnh vững vàng hơn. VD, với BT rèn kĩ năng nghe (nghe – ghi lại, thuật lại thông tin hoặc nghe – kể lại câu chuyện), nếu HS hiểu rằng các em không thể trông chờ vào sự giúp đỡ, hỗ trợ nào từ các bạn khác thì các em sẽ lắng nghe chăm chú hơn. Có những BT, HS nhất định phải làm việc độc lập, sau đó mới có thể hợp tác làm việc nhóm. VD, mỗi HS phải tự lập dàn ý cho bài viết của mình dựa trên kết quả quan sát riêng, trên cơ sở đó, hoạt động hợp tác trao đổi về dàn ý mà mỗi em đã chuẩn bị mới mang lại kết quả giúp bổ sung, hoàn thiện cho dàn ý của mỗi HS.

Ở lớp 3, HS cần được làm việc độc lập nhiều hơn khi làm BT chính tả, viết đoạn văn, các BT không đòi hỏi suy luận nhiều cũng như các BT đã được rèn luyện nhiều trước đó.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

BÀI 1: CHÀO NĂM HỌC MỚI

CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(10 phút)

1. Học sinh quan sát tranh, trả lời câu hỏi

– GV mời 2 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ YC của BT (*Chia sẻ*); giao nhiệm vụ cho cả lớp: Quan sát các bức tranh, thảo luận nhóm đôi, trả lời các CH. GV theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV tổ chức cho một số nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung. Có thể tổ chức theo hình thức đóng vai, phỏng vấn lẫn nhau.

(1) HS 1: Bạn chuẩn bị sách vở, trang phục thế nào để đi khai giảng? – HS 2 trả lời; sau đó đổi vai: HS 2 hỏi – HS 1 đáp. (VD: Tôi chuẩn bị đủ đồ dùng học tập; chuẩn bị sẵn quần áo, thức dậy sớm, ăn sáng khẩn trương rồi nhanh nhẹn tới lớp,...)

(2) HS 2: Lễ khai giảng có những hoạt động chính nào? (VD: Đón các em HS lớp 1; chào cờ; múa hát chào mừng năm học mới,...)

(3) HS 1: Bạn thích nhất hoạt động nào trong lễ khai giảng? Vì sao? (VD: Tôi thích lễ đón các em lớp 1, vì khi đón các em, tôi cảm thấy mình đã lớn. / Tôi thích các tiết mục văn nghệ, vì tôi là người yêu văn nghệ. / Tôi thích hoạt động của đội trống, vì tôi rất ấn tượng với những động tác đẹp của các thành viên đội trống. / ...).

Đổi vai.

– GV nhận xét và khen HS.

2. Giáo viên giới thiệu chủ điểm và bài đọc mở đầu chủ điểm

Năm học mới đã bắt đầu, hình ảnh của ngày khai trường vẫn còn đọng lại trong các em. Ngày khai trường – ngày đầu tiên của một năm học mới luôn để lại rất nhiều ấn tượng khó quên cho các em. Bài đọc đầu tiên trong sách *Tiếng Việt 3* sẽ đưa các em trở lại với không khí náo nức của ngày khai trường đó.

NGÀY KHAI TRƯỜNG

(60 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển các năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai, VD: là, nắng mới, lá cờ, lớn, năm xưa, vào lớp,... (miền Bắc – MB); hơn hờ, ôm vai, bà cổ, giống giã, khăn quàng, đồ tươi,... (miền Trung – MT, miền Nam – MN). Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 70 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 2.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (*hơn hờ, tay bắt mặt mừng, ôm vai bà cổ, giống giã,...*). Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ (Bài thơ miêu tả niềm vui của HS trong ngày khai trường.).

1.2. Phát triển năng lực văn học

– Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

– Biết chia sẻ với cảm giác vui mừng, phấn khởi của các bạn nhỏ trong ngày khai trường.

– Biết và sử dụng các từ ngữ chỉ đặc điểm.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu; tìm đúng và đặt được câu với các từ chỉ đặc điểm). Biết trân trọng những kỉ niệm trong ngày khai trường; thêm yêu trường lớp, bạn bè và thầy cô.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Máy tính, máy chiếu.

– Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

– Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập một (VBT).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

– PPDH chính: tổ chức hoạt động (HĐ).

– Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập (làm việc độc lập), HĐ nhóm (thảo luận nhóm), HĐ lớp (trò chơi phỏng vấn).

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

Đây là tiết học Tiếng Việt đầu tiên của năm học mới, GV có thể kiểm tra đồ dùng học tập của HS, nhắc lại một số quy ước về học Tiếng Việt.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Là HS, ai cũng thấy náo nức trong ngày khai trường. Sau mấy tháng nghỉ hè, lại được đến trường, đến lớp, gặp lại thầy cô, bạn bè, lại được nghe tiếng trống trường gióng giã, còn gì vui hơn. Bài thơ các em học hôm nay – bài thơ *Ngày khai trường* – viết về niềm vui của các bạn HS trong ngày vui ấy. Chúng ta hãy cùng đọc bài thơ và cảm nhận tâm trạng của các bạn nhỏ trong bài thơ có giống tâm trạng của mình không nhé!

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu: Giọng đọc hồn nhiên, vui tươi; kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó: *hớn hớn, tay bắt mặt mừng, ôm vai bá cổ, gióng giã,...* và những từ ngữ khác, nếu có.

– Tổ chức cho HS luyện đọc:

+ HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp. GV chỉ định một HS đầu bàn (hoặc đầu dãy) đọc, sau đó lần lượt từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài. Khi theo dõi HS đọc, GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS; nhắc các em nghỉ hơi dài hơn giữa các khổ thơ, giọng đọc thể hiện niềm vui của bạn HS trong ngày khai trường. VD:

Sáng đầu thu trong xanh/

Em mặc quần áo mới/

*Đi **đón** ngày khai trường/*

Vui như là đi hội//

*Gặp bạn,/ **cười hớn hớn**/*

*Đùa/ **tay bắt mặt mừng**/*

*Đùa/ **ôm vai bá cổ**/*

Cập sách đưa trên lưng//

+ Làm việc nhóm đôi: HS đọc tiếp nối 5 khổ thơ.

+ Thi đọc tiếp nối 5 khổ thơ trước lớp (theo bàn, nhóm, tổ).

+ Cả lớp đọc đồng thanh (cả bài) với giọng vừa phải, không đọc quá to.

+ 1 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài.

GV lưu ý: Việc hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ mà HS địa phương dễ viết

sai nhằm giúp HS có ý thức phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn và viết đúng chính tả. Do đó, GV không cần cố gắng buộc HS thay đổi cách phát âm bình thường của các em, trừ những lỗi phát âm của một số vùng phương ngữ hẹp như lẫn lộn *l* với *n* (*lắng* – *nắng*), *dấu hỏi* với *dấu ngã* (*cổ* – *cổ*),... GV chỉ luyện phát âm các từ ngữ nói trên cho cả lớp nếu có nhiều HS phát âm sai. Nếu chỉ có 1 hoặc 2 HS phát âm sai thì sửa riêng cho các em đó.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

- GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm đôi theo các CH tìm hiểu bài. Trả lời CH bằng trò chơi phỏng vấn.
- HS thực hiện trò chơi phỏng vấn: Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia. Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời. Sau đó đổi vai.

(1) HS 1: Bạn HS trong bài thơ chuẩn bị đi khai giảng như thế nào? HS 2: Bạn HS dậy sớm, mặc quần áo mới với niềm vui như là được đi hội.

(2) HS 2: Bạn hãy tìm những hình ảnh ở các khổ thơ 2 và 3 thể hiện niềm vui của các bạn HS khi gặp lại bạn bè, thầy cô. HS 1: Gặp bạn cười hớn hở; tay bắt mặt mừng; ôm vai bá cổ; nhìn thầy cô ai cũng như trẻ lại; lá cờ bay như reo.

(3) HS 1: Khổ thơ 4 thể hiện niềm vui của các bạn HS về điều gì? HS 2: Các bạn vui vì thấy mình lớn thêm lên, không còn bé như hồi lớp 1, lớp 2 nữa.

(4) HS 2: Những âm thanh và hình ảnh nào báo hiệu năm học mới đã bắt đầu? HS 1: Tiếng trống khai trường giống già, hình ảnh các bạn HS vai mang khăn quàng đỏ thắm bước vào lớp báo hiệu một năm học mới đã bắt đầu.

– GV: Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài thơ nói về điều gì? HS phát biểu. GV nêu ý kiến: Bài thơ thể hiện niềm vui của bạn HS trong ngày khai trường.

4. HĐ 3: Luyện tập

- GV mời 1 – 2 HS đọc BT 1, BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV giao nhiệm vụ cho HS trao đổi nhóm đôi, làm 2 BT. GV theo dõi HS thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể:

4.1. Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp

- HS đọc và làm bài vào VBT.
- GV mời 1 – 2 HS đọc kết quả. Nếu có điều kiện, GV có thể tạo BT tương tác và chiếu lên màn hình để HS nói từ đến nhóm từ ngữ tương ứng.
 - + Từ ngữ chỉ hoạt động: *reo, cười, đo, bay.*
 - + Từ ngữ chỉ sự vật: *quần áo, cặp sách, lá cờ.*

+ Từ ngữ chỉ đặc điểm: *mới, trong xanh, trẻ, lớn, đỏ tươi.*

– GV kết luận đáp án đúng.

4.2. Đặt câu nói về hoạt động trong ngày khai giảng

– HS đọc và làm bài vào VBT.

– GV mời 3 – 4 HS đọc lại trước lớp các câu mỗi em đã đặt. GV viết nhanh các câu lên bảng hoặc dùng máy chiếu bài làm của HS.

– Các bạn trong lớp phát biểu. GV nhận xét, hướng dẫn HS sửa bài (nếu cần).

5. Củng cố, dặn dò

– GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn thơ. Có thể tổ chức trò chơi để tăng tính hấp dẫn của phần Luyện đọc lại. VD, đánh số 5 khổ thơ, một HS đọc một khổ thơ và “truyền điện” để chỉ định bạn tiếp theo đọc 1 khổ thơ bất kì.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS nhớ về ngày khai giảng năm học mới và cảm xúc của em trong ngày đó (để chuẩn bị cho Bài viết 2).

TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

(HS thực hiện ở nhà)

GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong SGK (về nội dung bài đọc, loại bài đọc, số lượng mỗi loại bài đọc). Chú ý tìm đọc sách *Truyện đọc lớp 3*, các quyển truyện, thơ, báo thiếu niên, nhi đồng...

2. Viết vào phiếu đọc sách: Tên bài đọc và một số nội dung chính (nhân vật hoặc sự việc, hình ảnh, câu văn, câu thơ em thích); cảm nghĩ của bản thân.

BÀI VIẾT 1

ÔN CHỮ VIẾT HOA: A, Ă, Æ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Ôn luyện cách viết các chữ hoa A, Ă, Æ cỡ nhỏ và chữ thường cỡ nhỏ thông qua BT ứng dụng:

+ Viết tên riêng: *Âu Lạc*.

+ Viết câu ứng dụng: *Ai ơi, chẳng chông thì chầy / Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

1.2. Phát triển năng lực văn học: Hiểu ý nghĩa câu tục ngữ: nếu kiên trì, bền bỉ thì nhất định sẽ thành công.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết nêu nhận xét về nét các chữ hoa); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: đọc và viết chữ hoa, câu ứng dụng). Rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

- Vở *Luyện viết 3*, tập một.
- Mẫu chữ viết tên riêng (bia, máy chiếu...): *Âu Lạc*.
- Bảng phụ (máy chiếu) viết / chiếu câu ứng dụng trên dòng kẻ ô li.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

Đây là bài Tập viết đầu tiên của lớp 3. GV có thể kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng học tập của HS phục vụ cho việc luyện viết: vở *Luyện viết 3* / vở ô li, bút, phấn, bảng,...

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: GV nêu yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của bài học.

2. HĐ 1: Luyện viết trên bảng con

2.1. *Luyện viết chữ hoa*

- GV đưa các mẫu chữ hoa *A, Ă, Ẫ*, gợi ý HS nhận xét, cùng cố những điều cần lưu ý khi viết. VD: Chữ *A* cao mấy ô li, rộng mấy ô li? Chữ *Ă*, chữ *Ẫ* có gì giống, có gì khác chữ *A*?

- GV viết mẫu, kết hợp mô tả cách viết từng chữ.
- HS tập viết từng chữ hoa *A, Ă, Ẫ* trên bảng con.

2.2. *Luyện viết từ, câu ứng dụng*

a) *Viết tên riêng*

- HS đọc tên riêng: *Âu Lạc*.

– GV giới thiệu: Âu Lạc là tên nước ta thời vua An Dương Vương. Đây là thời kì nối tiếp các triều đại Vua Hùng, gắn liền với câu chuyện xây thành Cổ Loa (còn gọi là thành Ốc) mà các em sẽ được học ở học kì II.

– HS luyện viết tên riêng trên bảng con. GV hướng dẫn nhận xét, rút kinh nghiệm về cách viết (nổi nét, để khoảng cách giữa các chữ cái, giữa các tiếng trong tên riêng).

b) Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng: *Ai ơi, chẳng chóng thì chầy / Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

– GV giúp HS hiểu nội dung câu tục ngữ: khuyên chúng ta kiên trì, bền bỉ, không nản chí khi gặp khó khăn.

– HS luyện viết bảng con 2 tiếng: *Ai, Có*. GV hướng dẫn HS cách nổi nét giữa chữ hoa với chữ thường và giữa các chữ thường với nhau.

3. HĐ 2: Luyện viết trong vở Luyện viết 3

– GV nêu yêu cầu viết: Các dòng chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng.

– HS viết vào vở *Luyện viết 3*. GV nhắc nhở HS ngồi viết đúng tư thế; đánh giá một số bài viết; nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm; lưu ý câu ứng dụng (6/8) cần trình bày như mẫu trong vở *Luyện viết 3*.

– Khuyến khích HS tập viết chữ nghiêng (ở lớp hoặc ở nhà).

4. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học.

– Nêu nhận xét về bài viết, tư thế viết, cách giữ vở sạch, đẹp,... để cả lớp rút kinh nghiệm.

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN: EM CHUẨN BỊ ĐI KHAI GIẢNG

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Dựa vào sơ đồ gợi ý, thực hiện được 5 bước của bài nói. Xác định đúng đề tài, tìm được các ý chính, sắp xếp các ý, sau đó thực hiện nói theo dàn ý đã sắp xếp, có thể tự điều chỉnh theo góp ý của bạn để hoàn thiện câu chuyện của mình; biết kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... trong khi kể chuyện.

- Lắng nghe bạn nói, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.
- Biết trao đổi cùng các bạn về nội dung câu chuyện của bạn và của mình.

1.2. Phát triển năng lực văn học: Thể hiện được các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Biết kể chuyện, biết trao đổi cùng các bạn chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện. Có ý thức chia sẻ niềm vui với bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

tranh minh hoạ cỡ to 5 bước của bài nói trong SGK.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ nhóm (thảo luận nhóm), HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

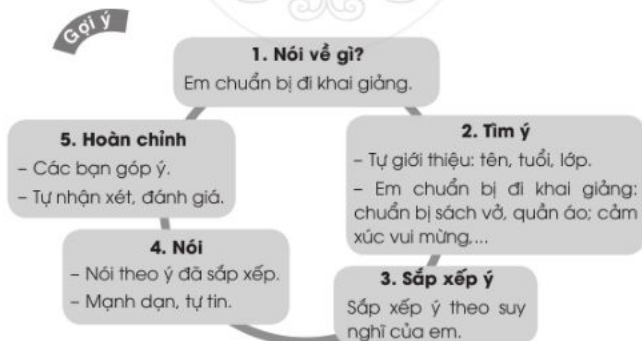
1. Giới thiệu bài

Trong tiết luyện nói và nghe hôm nay, các em sẽ kể về việc mình chuẩn bị đi khai giảng thế nào để chia sẻ niềm vui và những câu chuyện thú vị xung quanh việc chuẩn bị đi khai giảng của các em.

2. Kể chuyện

2.1. Hướng dẫn kể chuyện

- GV tạo tâm thế học tập cho HS bằng cách phù hợp.
- GV chỉ sơ đồ minh hoạ 5 bước của bài nói, giới thiệu: Đây là 5 bước cần làm để có một bài nói hay. Các em cần chú ý để thực hiện 5 bước này.



2.2. Học sinh xây dựng câu chuyện của mình theo sơ đồ

- GV cho HS ghi ra giấy nháp các nội dung theo 5 gợi ý ở trên.
- GV có thể cho HS tập giới thiệu về bản thân mình, nói về các công việc em đã chuẩn bị đi khai giảng theo dàn ý cho lưu loát.

2.3. Kể chuyện trong nhóm

- GV tổ chức cho HS kể câu chuyện của mình theo nhóm đôi, 2 bạn đổi vai cho nhau.
- Nhận xét và góp ý cho bạn.
- GV theo dõi, giúp đỡ HS kể chuyện.

2.4. Thi kể chuyện trước lớp

- Một vài HS tiếp nối nhau kể lại câu chuyện của mình. GV khuyến khích HS kể sinh động, biểu cảm, kết hợp lời kể với cử chỉ, động tác.
- GV khen ngợi những HS kể to rõ, tự tin, sinh động, biểu cảm, nội dung thú vị.

3. Trao đổi, nhận xét về câu chuyện

- HS nêu nhận xét về câu chuyện các bạn đã kể.
- Bình chọn bạn kể hay, nội dung thú vị, hấp dẫn.

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể chuyện hay.

BÀI ĐỌC 2

LỄ CHÀO CỜ ĐẶC BIỆT

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. VD: *lễ, năng, lớn, nhạc nền, thiêng liêng, để lại, trong lòng...* (MB); *lễ, đặc biệt, biển, bản đồ, quần đảo, Quốc ca, thiêng liêng, buổi lễ, diễn ra...* (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 70 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 2.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Lễ chào cờ đặc biệt hướng về biển, đảo được tổ chức long trọng, thể hiện tình yêu Tổ quốc và ý thức về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

- Nhận biết cách sắp xếp ý theo trình tự thời gian.
- Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm; bước đầu biết sử dụng dấu hai chấm báo hiệu phần giải thích, liệt kê.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài, hoàn thành các BT về cách sắp xếp các đoạn văn, tác dụng của dấu hai chấm). Góp phần bồi dưỡng tình cảm yêu nước và nhận thức về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Các hình ảnh minh họa bài đọc trong SGK.
- Máy tính, máy chiếu hoặc bảng phụ thể hiện nội dung các BT 1, 2, 3 ở phần Luyện tập (LT).
- 4 tấm thẻ khổ to viết nội dung bài LT 2.
- 1 tấm phiếu khổ to viết nội dung BT 3.
- VBT (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập (làm việc độc lập), HĐ nhóm (thảo luận nhóm), HĐ lớp (trò chơi phòng vấn).

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: Ngày khai trường

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

- Giao nhiệm vụ: HS đọc tên bài và quan sát 3 ảnh minh họa trong bài.
- GV: Trong bài, có những tấm ảnh chụp lễ chào cờ của một số trường tiểu học. Theo các em, những ảnh này có gì đặc biệt? HS nói theo quan sát cá nhân.

– GV: Ba tấm ảnh đều thể hiện hoạt động đặc biệt trong lễ chào cờ: HS tham gia xếp thành hình bản đồ Việt Nam thân yêu. Một trong những tấm ảnh trên được chụp trong một buổi chào cờ đặc biệt với chủ đề hướng về biển, đảo của trường Tiểu học Cát Bi (Hải Phòng). Các em hãy đọc bài Lễ chào cờ đặc biệt để biết lễ chào cờ đó diễn ra như thế nào nhé.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

- GV đọc mẫu bài *Lễ chào cờ đặc biệt*, giọng thông thả, trang trọng. Nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm: *đặc biệt, hướng về, biển, đảo, xếp thành hình, thiêng liêng, hát vang, hào hùng, sôi nổi, khó quên,...* Giọng đọc chậm

rãi ở câu cuối. GV kết hợp với HS giải nghĩa từ ngữ khó: *quần đảo, thiêng liêng, giai điệu hào hùng,...* và những từ ngữ khác HS chưa hiểu (nếu có).

– Tổ chức cho HS luyện đọc:

+ HS đọc tiếp nối từng câu trước lớp (vài lượt). GV chỉ định một HS đầu bàn (hoặc đầu dãy) đọc, sau đó lần lượt từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài. Khi theo dõi HS đọc, GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS; nhắc nhở các em cần nghỉ hơi đúng ở những câu văn dài. VD: ngắt nghỉ đúng, nhấn giọng từ ngữ ở các câu:

– *Dưới ánh nắng dịu dịu của buổi sáng thứ Hai, / một lễ chào cờ **đặc biệt** / được thầy trò Trường Tiểu học Cát Bi (Hải Phòng) tổ chức / để **hướng về** biển, đảo.*

– *Khi nhạc nền Quốc ca vang lên, / tất cả thầy cô và học sinh / đều **hướng về** lá Quốc kì thiêng liêng, **hát vang** giai điệu **hào hùng** của bài hát.*

– *Buổi lễ đã để lại một ấn tượng **khó quên** trong lòng các bạn nhỏ.*

GV lưu ý: Việc hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ HS địa phương dễ phát âm sai và viết sai là để giúp HS có ý thức phân biệt các âm, vần, thanh để lẫn và viết đúng chính tả. Do đó, GV không cần cố gắng buộc HS thay đổi cách phát âm bình thường của các em, trừ những lỗi phát âm của một vùng phương ngữ hẹp như lẫn lộn *l* với *n* (*lắng – năng*), *tr* với *t* (*trường – tường*),... GV chỉ YC cả lớp luyện phát âm các từ ngữ nói trên nếu có nhiều HS phát âm sai. Nếu chỉ có 1 hoặc 2 HS phát âm sai thì sửa riêng cho các em đó.

+ Làm việc nhóm đôi: Từng cặp HS đọc tiếp nối 3 đoạn trong nhóm.

+ Thi đọc tiếp nối 3 đoạn trước lớp (cá nhân, bàn, tổ).

+ Cả lớp đọc đồng thanh (cả bài) với giọng vừa phải, không đọc quá to.

+ 1 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– GV mời 3 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 3 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm đôi, trả lời CH tìm hiểu bài bằng trò chơi phỏng vấn.

– Từng cặp HS thực hiện trò chơi phỏng vấn: 1 HS hỏi – 1 HS đáp.

(1) HS 1: Lễ chào cờ của Trường Tiểu học Cát Bi được tổ chức nhằm mục đích gì? HS 2: Lễ chào cờ của Trường Tiểu học Cát Bi được tổ chức nhằm thể hiện ý thức hướng về biển, đảo; bảo vệ biển đảo quê hương.

(2) HS 2: Chi tiết nào cho thấy lễ chào cờ đó rất đặc biệt? HS 1: HS của trường xếp thành hình Việt Nam với 2 quần đảo: Hoàng Sa, Trường Sa.

(3) HS 1: Theo bạn, vì sao buổi lễ chào cờ đó để lại ấn tượng khó quên đối với các bạn HS? HS 2: Vì buổi lễ đó có hoạt động xếp thành hình bản đồ Việt Nam với

số lượng rất lớn HS tham gia. / Vì buổi lễ đó được tổ chức rất trang trọng, thiêng liêng, thành công. / Vì đó là buổi lễ đó kêu gọi HS thi đua học tập, tích cực tham gia cuộc thi “Tìm hiểu về biển, đảo quê hương”.

(4) HS 1: Dựa vào hình minh họa trong bài đọc, bạn hãy kể thêm tên một trường tổ chức lễ chào cờ đặc biệt để hướng về biển, đảo. HS 2: Trường Tiểu học Trưng Vương (thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng). / HS 2: Bạn hãy kể tên một trường nữa tổ chức lễ chào cờ đặc biệt để hướng về biển, đảo. HS 1: Trường Tiểu học Cẩm Bình (huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh).

(Có thể mời thêm một vài cặp tiếp tục trò chơi phỏng vấn.)

– GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì về lễ chào cờ đặc biệt của một số trường? (Lễ chào cờ được tổ chức thật độc đáo, long trọng, thể hiện tình yêu Tổ quốc của thầy và trò các trường, là lời khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Buổi lễ đã để lại ấn tượng khó quên trong lòng các bạn HS.)

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu cách sắp xếp (thứ tự) các ý trong bài đọc (BT 1)

– 1 HS đọc trước lớp YC của BT 1 cùng các phương án lựa chọn. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giúp HS hiểu YC của BT, hiểu các sự việc trong buổi lễ được kể theo trình tự như thế nào; nhắc HS đọc thầm lại bài đọc, đối chiếu với từng ý (a, b, c) xem ý nào đúng.

– Từng cặp HS đọc thầm lại bài đọc, trao đổi, lựa chọn phương án trả lời đúng.

– HS báo cáo kết quả trước lớp, giải thích kết quả. Cả lớp và GV thống nhất đáp án ý a đúng (các sự việc trong buổi lễ chào cờ được kể theo trình tự thời gian: việc diễn ra trước kể trước, việc diễn ra sau kể sau). Cụ thể:

+ Đầu tiên, kể việc các em HS của trường xếp thành hình bản đồ Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

+ Tiếp theo, kể việc thầy trò hướng về lá Quốc kì khi nhạc nền Quốc ca vang lên, hát vang giai điệu hào hùng của bài hát.

+ Sau phần nghi thức, buổi lễ diễn ra sôi nổi với các tiết mục múa hát của HS về biển, đảo.

+ Cuối buổi lễ, thầy Hiệu trưởng kêu gọi thi đua dạy tốt, học tốt và tích cực tham gia cuộc thi “Tìm hiểu về biển, đảo quê hương”.

4.2. Nêu tác dụng của dấu hai chấm (BT 2)

– 1 HS đọc trước lớp nội dung BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giải thích YC của BT: Các em cần đọc kĩ các câu (a, b), dựa vào các tác

dụng của dấu hai chấm (1, 2) để tìm hiểu vai trò của dấu hai chấm trong từng câu (a, b). Ghép đúng (có thể nối trong VBT) để thể hiện kết quả.

– Từng HS làm bài vào VBT; sau đó trao đổi trong nhóm đôi.

– HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả trước lớp.

– GV gắn lên bảng lớp 4 tấm thẻ viết nội dung bài, 1 HS ghép thẻ. Cả lớp thống nhất đáp án:

a-2:

a) Các em học sinh của trường xếp thành hình bán đồ Việt Nam với hai quần đảo lớn: Hoàng Sa và Trường Sa.

2) (Dấu:) Báo hiệu phần giải thích cho bộ phận đứng trước dấu hai chấm.

b-1:

b) Các bạn được chọn tham gia biểu diễn văn nghệ trong ngày khai giảng là: Minh An, Mai Hà, Khánh Bình, Đức Dũng và Hồng Minh.

1) (Dấu:) Báo hiệu phần liệt kê các sự vật (hoạt động, đặc điểm) liên quan.

– GV giải thích thêm:

+ Ở câu a, bộ phận đứng sau dấu hai chấm (Hoàng Sa và Trường Sa) giải thích hai quần đảo lớn là những quần đảo nào.

+ Ở câu b, bộ phận đứng sau dấu hai chấm kể tên các bạn được chọn tham gia biểu diễn văn nghệ trong ngày khai giảng.

4.3. Thêm dấu hai chấm vào vị trí phù hợp (BT 3)

– HS đọc yêu cầu của BT và 2 câu cần bổ sung dấu hai chấm. Cả lớp đọc thầm theo.

– Từng cặp HS trao đổi, làm bài. GV phát phiếu khổ to viết nội dung BT 3 cho 2 HS.

– HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả.

– GV gắn lên bảng lớp phiếu bài làm của HS để em đó báo cáo kết quả.

– Cả lớp thống nhất đáp án đúng:

a) Học sinh toàn trường mặc áo màu cờ Tổ quốc, chuẩn bị cho một sự kiện lớn trong lễ khai giảng: xếp thành hình bán đồ Việt Nam.

b) Vì mới thành lập, Trường Tiểu học Kim Đồng chỉ có bốn khối lớp: khối 1, khối 2, khối 3 và khối 4.

GV mời 1 – 2 HS nêu tác dụng của dấu hai chấm trong mỗi câu mới hoàn thành: báo hiệu phần giải thích cho bộ phận đứng trước (câu a), báo hiệu phần liệt kê (câu b).

5. Củng cố, dặn dò

- 3 HS tiếp nối nhau thi đọc 3 đoạn văn. Tổ chức một số lượt đọc tương tự.
- Cả lớp và GV bình chọn cá nhân và nhóm đọc hay (đọc đúng, biểu cảm).
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

BÀI VIẾT 2

EM CHUẨN BỊ ĐI KHAI GIẢNG

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Viết được đoạn văn kể về việc chuẩn bị đi khai giảng. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp; biết sử dụng dấu câu phù hợp.

1.2. Phát triển năng lực văn học: Biết kể lại một sự việc đã từng chứng kiến, tham gia, bày tỏ được cảm xúc của mình khi chứng kiến, tham gia sự việc đó.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chọn đề bài, viết đoạn văn); NL sáng tạo (biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn kể chuyện).

II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

Máy chiếu / bảng phụ viết nội dung BT 1.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

PPDH chính: tổ chức HĐ.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

Đây là bài viết đoạn văn đầu tiên ở lớp 3. GV tạo tâm thế học tập cho HS bằng hình thức phù hợp. Có thể hỏi một số CH về bài Luyện nói và nghe *Em chuẩn bị đi khai giảng* đã học trước đó.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Trong tuần đầu tiên, chúng ta đã học bài thơ *Ngày khai trường*, bài thơ có chi tiết cho ta thấy sự chuẩn bị của bạn nhỏ cho ngày khai trường. Chúng ta cũng đã kể về

việc em chuẩn bị đi khai giảng. Hôm nay, chúng ta sẽ viết đoạn văn kể về việc em chuẩn bị đi khai giảng để mọi người cùng biết.

2. HĐ 1: Chuẩn bị viết đoạn văn

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT (viết đoạn văn kể về việc em chuẩn bị đi khai giảng). Cả lớp đọc thầm theo.

– Yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý và ghi nhớ các bước viết một bài văn theo quy tắc Bàn tay trong SGK.

– Tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi theo hình thức hỏi đáp luân phiên với bước 1 và 2 của quy tắc. GV có thể lưu ý HS: Cách dễ nhất để thực hiện bước 1 và bước 2 là đặt câu hỏi. VD:

+ Bạn viết về gì? (Tớ viết về việc chuẩn bị đi khai giảng.).

+ Bạn chuẩn bị đi dự khai giảng thế nào? (Tớ dậy sớm, đánh răng, rửa mặt và mặc bộ quần áo đẹp nhất đã chuẩn bị hôm trước,...).

+ Cảm xúc của bạn trong quá trình chuẩn bị đó ra sao? (Tớ hồi hộp, vui mừng vì sắp được gặp lại bạn bè, thầy cô. Được học những bài học mới và bổ ích...)

– HS sắp xếp các ý tìm được ở bước 2 thành dàn ý bài viết (bước 3).

3. HĐ 2: Viết đoạn văn kể về việc em chuẩn bị đi khai giảng

– HS viết vào vở BT (hoặc vở ô li) đoạn văn (bước 4).

– GV đến từng bàn giúp đỡ HS yếu, kém; khuyến khích HS khá, giỏi viết nhiều hơn 8 câu.

– HS đọc cho bạn bên cạnh nghe (hoặc trao đổi vở với bạn bên cạnh) để nhận xét và góp ý. Tự hoàn thiện bài văn của mình (bước 5).

4. HĐ 3: Giới thiệu đoạn văn

– GV mời một số HS tiếp nối nhau đọc và giới thiệu bài làm. GV khen ngợi những đoạn viết hay, điển đạt lưu loát.

– GV đánh giá và sửa 5 – 7 bài viết của HS (lỗi chính tả, từ, câu,...). Có thể thu một số bài của HS về nhà sửa tiếp.

5. Củng cố, dặn dò

– GV khen ngợi, động viên HS.

– Nhắc HS đọc trước, chuẩn bị trước nội dung cho tiết Góc sáng tạo *Em là học sinh lớp 3*.

BẠN MỚI

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển các năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các tên riêng nước ngoài đã được phiên âm (*A-i-a, Tết-su-ô*) và các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai, VD: *lốp, khích lệ, nên, đến lượt, lưng từng, vào lớp, hành lang, ... (MB); thơ thần, khích lệ, một lần nữa, bức vẽ, hành lang, xông xáo, ... (MT, MN)*. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 70 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 2.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài: *thơ thần, khích lệ, quan sát, hành lang, bàn tán, ...* Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Mỗi một người có một điểm mạnh riêng mà người khác không có được, khi chơi với bạn nên hoà đồng và nhìn vào điểm mạnh của bạn để có thể học hỏi; không nên kì thị khi thấy bạn không giống mình.

– Nhận biết các đoạn văn được sắp xếp theo trình tự thời gian.

– Nhận biết tác dụng của dấu ngoặc kép: Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu lời nói của nhân vật.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài, hoàn thành các BT về sắp xếp các đoạn văn, tác dụng của dấu hai chấm). Góp phần bồi dưỡng PC nhân ái, tôn trọng sự khác biệt giữa con người, sẵn sàng học hỏi, hoà nhập và giúp đỡ mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Máy tính, máy chiếu.

– VBT (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

– PPDH chính: tổ chức HĐ.

– Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ nhóm, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: *Lễ chào cờ đặc biệt.*

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

– GV hỏi:

+ Bài đọc hôm nay tên là gì? (Bài có tên *Bạn mới*.)

+ Trong các hình ảnh minh họa, thầy giáo và các bạn HS đang làm gì? (Thầy giáo khuyên bạn gái vào chơi cùng các bạn; Thầy giáo đang treo các bức tranh trên hành lang; Các bạn HS xem tranh và bàn tán.)

– GV giới thiệu: Bạn gái đang giúp thầy giáo treo tranh là một HS mới chuyển đến, tên bạn là A-i-a. Các bạn trong lớp đã cư xử với A-i-a thế nào? Thầy giáo đã giúp A-i-a chinh phục các bạn ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài đọc *Bạn mới* để có câu trả lời nhé.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu bài *Bạn mới*: Giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Nhấn giọng, gây ấn tượng với những từ ngữ gọi tả, gọi cảm: *chưa quen, thơ thẩn, khích lệ, chẳng, quá chậm, lúng túng, đẹp quá...* Giọng đọc chậm rãi ở câu cuối. GV kết hợp với HS giải nghĩa từ ngữ khó: *thơ thẩn, khích lệ, quan sát, bàn tán...* và những từ ngữ khác HS chưa hiểu (nếu có).

– Tổ chức cho HS luyện đọc:

+ HS đọc tiếp nối từng câu trước lớp. GV chỉ định một HS đầu bàn (hoặc đầu dãy) đọc, sau đó lần lượt từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài. Khi theo dõi HS đọc, GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS; nhắc các em nghỉ hơi đúng và thể hiện tình cảm qua giọng đọc. Chú ý các chuỗi câu bao gồm lời nói trực tiếp của nhân vật. VD: *Thầy gọi A-i-a vào lớp, / hỏi: / “Em cho thầy xem bức tranh em mới vẽ được không? // Các bạn nói là em vẽ đẹp lắm.”.*

+ GV sửa lỗi phát âm cho HS. Chú ý: GV không cần cố gắng buộc HS thay đổi cách phát âm bình thường của các em, trừ những lỗi phát âm của một vùng phương ngữ hẹp. GV chỉ luyện phát âm các từ ngữ có nhiều HS phát âm sai. Nếu chỉ có 1 hoặc 2 HS phát âm sai thì sửa riêng cho các em đó.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm đôi, trả lời CH tìm hiểu bài bằng trò chơi phỏng vấn.

– Từng cặp HS thực hiện trò chơi phỏng vấn:

(1) HS 1: Vì sao trong giờ ra chơi, A-i-a không tham gia cùng nhóm nào? HS 2: Vì A-i-a là HS mới, chưa quen ai nên bạn không tham gia nhóm nào.

(2) HS 2: Những chi tiết nào cho thấy A-i-a rất rụt rè? HS 1: A-i-a không dám chủ động làm quen và tham gia trò chơi với các bạn; khi được thầy giáo khích lệ, A-i-a nói rất nhỏ; khi bị các bạn chê chậm, A-i-a càng lúng túng.

(3) HS 1: Thầy giáo đã giúp A-i-a tự tin bằng cách nào? HS 2: Thầy giáo gọi A-i-a lại, bảo A-i-a cho thầy xem tranh bạn ấy vẽ, khen A-i-a vẽ đẹp; treo tranh của bạn ấy lên tường để mọi người cùng xem.

(4) HS 2: Theo bạn, vì sao Tét-su-ô chủ động đến rủ A-i-a cùng chơi? HS 1: Tét-su-ô đã hiểu và quý mến người bạn mới. / Tét-su-ô hiểu A-i-a có điểm mạnh riêng. / Tét-su-ô đã hiểu rằng không nên chê bai những người không giống mình. / Tét-su-ô muốn giúp giúp A-i-a sớm hoà nhập với tập thể mới. /...

(Có thể mời thêm một vài cặp tiếp tục trò chơi phỏng vấn.)

– GV: Mặc dù A-i-a gặp chút khó khăn khi chuyển đến lớp mới nhưng thầy giáo đã giúp A-i-a chinh phục được các bạn bằng điểm mạnh của mình. Tét-su-ô và các bạn trong lớp đã hiểu ra, quý mến người bạn mới và chủ động rủ A-i-a cùng chơi.

– GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? HS: Mỗi người có điểm mạnh riêng. Khi chơi với bạn, nên hoà đồng, nhìn vào điểm mạnh của bạn để có thể học hỏi; không nên chê bai, kì thị khi thấy bạn không giống mình.

4. HD 3: Luyện tập

4.1. Nhận biết dấu ngoặc kép (BT 1)

– GV mời 1 HS đọc trước lớp nội dung của BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV giao nhiệm vụ, từng cặp HS đọc thầm nội dung BT, trao đổi, làm bài: Trong câu “Em vào chơi với các bạn đi!”, lời nói của nhân vật được đặt trong dấu câu nào?

– HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả trước lớp. (Lời nói của nhân vật “Em vào chơi với các bạn đi!”, được đặt trong dấu ngoặc kép.)

– GV chốt lại: Lời nói của nhân vật được đánh dấu bằng *dấu ngoặc kép*.

4.2. Cùng cố hiểu biết về dấu ngoặc kép (BT 2)

– GV mời 1 HS đọc trước lớp nội dung của BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm đôi: đọc lại bài đọc, tìm ít nhất 1 câu là lời nói của nhân vật (thầy giáo / A-i-a / Tét-su-ô).

– Một số HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả trước lớp. VD, lời của Tét-su-ô nói với A-i-a: “Ngày mai, cậu chơi đuôi bắt với chúng tớ nhé!”. Dấu câu cho biết đó là lời nói của nhân vật: *dấu ngoặc kép*.

5. Cùng có, dặn dò

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau thi đọc 4 đoạn văn. Cả lớp và GV bình chọn cá nhân và nhóm đọc hay (đọc đúng, biểu cảm).

– 1 – 2 HS đọc lại câu chuyện.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS về đọc lại bài, chuẩn bị trước nội dung cho tiết Kể chuyện *Bạn mới*.

BÀI VIẾT 3

CHÍNH TẢ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nghe – viết đúng chính tả 3 khổ thơ đầu bài thơ *Ngày khai trường*.

– Đọc đúng tên chữ và viết đúng 10 chữ (từ a đến ê) vào vở. Thuộc lòng tên 10 chữ mới trong bảng chữ và tên chữ.

– Làm đúng BT điền chữ ghi các phụ âm đầu l / n hoặc các phụ âm cuối c / t (các vần âc / ât).

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ, câu văn trong các BT chính tả.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

Phát triển NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: nghe – viết, chọn BT chính tả phù hợp với yêu cầu khắc phục lỗi của bản thân, biết sửa lỗi chính tả,...). Góp phần bồi dưỡng ý thức về bản thân và tình yêu bạn bè, trường lớp, yêu thiên nhiên qua nội dung các BT chính tả.

II. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

– Vở *Luyện viết 3*.

– Bảng phụ / giấy khổ to viết sẵn bảng chữ và tên chữ ở BT 2.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

Vi đây là bài học chính tả đầu tiên, GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS phục vụ cho việc học chính tả: vở *Luyện viết 3*, tập một / vở ô li, bút,...

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: GV nêu YCCĐ của bài học.

2. HĐ 1: Nghe – viết

2.1. Chuẩn bị

- GV nêu nhiệm vụ và đọc mẫu 3 khổ thơ đầu bài thơ *Ngày khai trường*.
- Cả lớp đọc 3 khổ thơ đầu của bài thơ, viết nháp những từ ngữ các em dễ viết sai chính tả.
- GV nhắc HS viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ. Lưu ý HS: Tên bài có 3 tiếng, nên viết cách lề 5 ô vuông lớn; mỗi dòng thơ có 5 tiếng, nên viết cách lề 4 ô vuông lớn; Viết hết 1 khổ thơ (4 dòng), có thể để cách 1 dòng cho đẹp.

2.2. Viết bài

GV đọc cho HS viết. Có thể đọc từng dòng hoặc 2 dòng thơ. Mỗi dòng / 2 dòng thơ đọc 3 lần.

2.3. Sửa bài

HS tự sửa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả). GV chiếu 5 – 7 bài của HS lên bảng lớp để cả lớp quan sát, nhận xét bài về các mặt: nội dung, chữ viết, cách trình bày.

3. HĐ 2: Ôn bảng chữ cái (BT 2)

– BT này giúp HS củng cố kiến thức về bảng chữ cái đã học ở lớp 2; đồng thời hướng dẫn HS đọc tên những chữ được ghép từ 2 chữ cái đã học để chuẩn bị thực hiện yêu cầu tra từ điển ở lớp 4.

– GV treo bảng phụ đã viết bảng chữ và tên chữ, nêu YC: Tìm đủ chữ, tên chữ và viết vào vở *Luyện viết 10* chữ và tên chữ.

– GV chỉ cột tên chữ, hướng dẫn cả lớp đọc các tên chữ đã viết sẵn trong bảng: a (a), ă (ă), â (ô), b (bê), c (xê), ch (xê hát), d (dê), đ (đê), e (e), ê (ê). GV lưu ý HS không đọc b là bờ, c là cò, d là dò, đ là đờ như ở lớp 1, vì đó không phải là tên chữ, chỉ là tên gọi tạm thời phù hợp với trình độ lớp 1. Để tạo thành thói quen nói

đúng tên chữ tiếng Việt trong nhà trường và xã hội, GV chỉ sử dụng tên chữ, không sử dụng tên tạm thời (a, b, c, ...) trong giao tiếp với HS từ lớp 2 trở lên, với phụ huynh học sinh và trong mọi sinh hoạt của nhà trường.

- 1, 2 HS đọc lại.
- HS cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*. 1 HS làm bài trên tờ phiếu khổ to.
- HS làm bài trên phiếu báo cáo kết quả.
- GV chốt lại đáp án đúng. Cả lớp sửa bài theo đáp án đúng.

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
1	a	a
2	ă	á
3	â	ớ
4	b	bê
5	c	xê
6	ch	xê hát
7	d	đê
8	đ	đê
9	e	e
10	ê	ê

- Cả lớp đọc thuộc lòng bảng chữ và tên chữ tại lớp. Có thể làm theo cách sau:
- + GV xoá (che) hết tên chữ đã viết ở cột 3, yêu cầu HS nhìn cột 2 đọc tên chữ.
- + GV xoá (che) hết chữ ở cột 2, yêu cầu HS nhìn cột 3, viết lại một số chữ.
- + GV xoá hết bảng, cả lớp HS đọc thuộc lòng 10 chữ và tên chữ.

4. HĐ 3: Làm BT lựa chọn (BT 3)

- Chọn chữ phù hợp với ô trống:

GV nêu YC của BT, chọn cho HS làm BT 2a hay 2b tùy theo phương ngữ của các em (VD, phần lớn HS trong lớp nói tiếng miền Nam sẽ làm BT 2b; một số HS trong lớp nói tiếng miền Bắc sẽ làm BT 2a).

4.1. BT 2a (Chọn chữ l hay n?)

- 1 HS đọc YC của BT.
- Cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*.
- GV dán băng giấy (hoặc băng phụ) viết sẵn nội dung BT lên bảng (2 băng); mời 2 nhóm (mỗi nhóm 4 HS) lên bảng làm BT theo hình thức thi tiếp sức. Cả lớp và GV bình chọn nhóm thắng trong cuộc thi. Đáp án: khắp *nêo*, *non* sông, *vươn lên*, *com no*.
- Cả lớp đọc lại 8 dòng thơ đã hoàn chỉnh; sửa bài theo đáp án đúng.

4.2. BT 2b (Chọn vần âc hay ât?)

– 1 HS đọc YC của BT và đoạn văn.

– HS làm bài vào vở *Luyện viết 3*.

– GV dán băng giấy (hoặc băng phụ) viết sẵn nội dung BT lên bảng (2 băng); mời 2 nhóm (mỗi nhóm 4 HS) lên bảng làm BT theo hình thức thi tiếp sức. Cả lớp và GV bình chọn nhóm thắng trong cuộc thi. Đáp án: *nhật, cát, nhấc, mắt*.

– Cả lớp đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh; sửa bài theo đáp án đúng.

– **Lưu ý dành cho GV:** Ngoài lỗi nhầm lẫn các vần *âc / ât*, HS sử dụng các phương ngữ Nam Trung Bộ và Nam Bộ còn nhầm lẫn một số vần khác có phụ âm cuối *c / t* như *ac / at, ăc / ăt*. Do đó, nếu có điều kiện, GV có thể bổ sung BT giúp HS khắc phục cùng lúc nhiều lỗi tương tự như: *bác / bát, các / cát, nhấc / nhát; bắc / bắt, chắc / chắt, mắc / mắt*,... Khác với SGK *Tiếng Việt 2*, bên cạnh BT phân biệt các cặp vần cụ thể, SGK *Tiếng Việt 3* thường ra BT phân biệt cặp phụ âm cuối, VD: phân biệt *n / ng (an / ang, ăn / ăng, ân / âng); n / nh (ên / ênh, in / inh)*,... Điều này giúp cho các BT có tính khái quát cao hơn, đồng thời cũng phù hợp với thời lượng dạy học ở lớp 3 (vì môn Tiếng Việt chỉ còn 7 tiết / tuần nên phải bố trí luân phiên tập viết và chính tả – mỗi hoạt động 1 tiết / 2 tuần).

5. Củng cố, dặn dò

– GV tổ chức trò chơi Đố nhau để củng cố bảng chữ cái. Cách chơi: 1 HS gắn lên bảng các chữ (có thể được sắp xếp không đúng TT) và yêu cầu HS khác đọc tên chữ. Sau đó, làm ngược lại. Có thể cho HS chơi nhiều lần đến khi các chữ đều đã được đọc hết.

– GV nhận xét tiết học.

– Nhắc HS về nhà HTL tên 10 chữ đã học.

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN: BẠN MỚI

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Dựa vào tranh minh họa và CH gợi ý, trả lời được các CH; kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện; biết kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... trong khi kể. Hiểu nội dung câu chuyện: Mỗi một người có một điểm mạnh riêng; khi chơi với bạn nên hoà đồng và nhìn vào điểm mạnh của bạn để có thể học hỏi; không nên kì thị khi thấy bạn không giống mình.

- Lắng nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.
- Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Biết kể chuyện, biết trao đổi cùng các bạn chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện. Có ý thức cảm thông, chia sẻ với bạn; biết điều chỉnh hành vi khi cư xử không đúng với bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Video câu chuyện *Bạn mới* (SGK điện tử Cánh Diều).
- Tranh minh hoạ truyện cỡ to kèm các CH dưới tranh.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ nhóm (thảo luận nhóm), HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Các em đã đọc câu chuyện *Bạn mới*. Đó là một câu chuyện rất hay. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ cùng nhau kể lại câu chuyện ấy nhé.

2. HĐ 1: Kể chuyện (BT 1)

2.1. Nghe – kể chuyện

- GV mời 2 – 4 HS đọc: *A-i-a, Tết-su-ô*. Cả lớp đọc thầm theo để nhớ tên nhân vật.
- GV kể hoặc kết hợp dùng SGK điện tử.
- Kể lần 1 (không cần chỉ tranh); giải nghĩa từ khó.
- GV dừng lại, YC cả lớp quan sát tranh, đọc thầm lại các CH gợi ý dưới tranh.
- GV kể lần 2, lần 3 (kết hợp chỉ vào từng tranh khi kể đoạn truyện được minh hoạ bằng tranh đó).

2.2. Trả lời câu hỏi

- GV mời một số HS hỏi đáp để trả lời (nhANH) các CH:
 - (1) Chuyện gì xảy ra trong giờ ra chơi? (A-i-a là HS mới, chưa quen ai nên không tham gia chơi với nhóm nào. Thầy giáo đã khuyến khích A-i-a chơi cùng các bạn.)
 - (2) A-i-a tham gia trò chơi như thế nào? (Khi đến lượt đuổi các bạn, A-i-a không bắt được ai vì em chậm quá. Bị Tết-su-ô chê, A-i-a càng lúng túng.)
 - (3) Thầy giáo đã giúp A-i-a tự tin bằng cách nào? (Thầy bảo A-i-a cho thầy xem tranh em vẽ và khen em vẽ đẹp, rồi treo tranh của em lên tường để các bạn cùng xem.)

(4) Tết-su-ô thay đổi thái độ với A-i-a ra sao? (Tết-su-ô hiểu ra ai cũng có điểm mạnh riêng, việc mình chê bạn là không đúng nên đã chủ động rủ A-i-a cùng chơi đuổi bắt.).

2.3. Kể chuyện trong nhóm

– GV tổ chức cho HS kể chuyện trong nhóm đôi: Kể nối tiếp theo từng tranh hoặc HS 1 kể theo tranh 1 – 2; HS 2 kể theo tranh 3 – 4; sau đó, 2 bạn đổi vai cho nhau.

– GV theo dõi, giúp đỡ HS kể chuyện.

2.4. Thi kể chuyện trước lớp

– Một vài HS tiếp nối nhau dựa vào tranh minh hoạ và CH thi kể lại câu chuyện trên. GV khuyến khích HS kể sinh động, biểu cảm, kết hợp lời kể với cử chỉ, động tác.

– GV khen ngợi những HS nhớ câu chuyện, kể to, rõ, tự tin, sinh động, biểu cảm.

3. HĐ 2: Trao đổi về câu chuyện (BT 2)

– 1 HS đọc YC của BT 2 và các gợi ý.

– HS làm việc độc lập hoặc thảo luận nhóm đôi, báo cáo kết quả:

a) Em thích nhân vật nào trong câu chuyện trên? Vì sao? (HS tự do lựa chọn nhân vật mình thích. VD: Thích Tết-su-ô vì Tết-su-ô nhanh nhẹn, khoẻ mạnh và biết sửa lỗi khi nhận ra mình cư xử chưa đúng với bạn. / Thích A-i-a vì A-i-a vẽ đẹp./...).

b) Nếu lớp em có một người bạn mới, em có thể làm gì để giúp bạn? (HS phát biểu theo suy nghĩ riêng. VD: rủ bạn cùng chơi, không kì thị khi thấy bạn khác mình; giúp bạn hoà đồng với các bạn khác trong lớp,...).

4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể chuyện hay.

BÀI ĐỌC 4

MÙA THU CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai, VD: là, màu lá sen, rằm, lật trang vở,... (MB); con mắt, mở, xanh, màu lá sen, nước đèn, trang vở... (MT, MN); ngắt nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ, khổ thơ. Tốc độ đọc khoảng 70 tiếng/phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 2.

– Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu ý nghĩa của bài thơ: Tình cảm yêu mến của bạn nhỏ với vẻ đẹp của mùa thu – mùa bắt đầu năm học mới.

– Luyện tập về dấu hai chấm.

1.2. Phát triển năng lực văn học

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.
- Biết chia sẻ với cảm giác yêu mến của bạn nhỏ với vẻ đẹp của mùa thu.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập). Góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, máy chiếu.
- VBT (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ nhóm, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: *Bạn ơi*

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Mỗi mùa trong năm đều có vẻ đẹp riêng. Mùa thu không chỉ đẹp mà còn gắn với ngày tết đặc biệt dành cho các em, Tết Trung thu. Mùa thu cũng là mùa khởi đầu cho một năm học mới. Bài thơ *Mùa thu của em* mà chúng ta học hôm nay sẽ giúp các em hiểu và yêu mùa thu hơn.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu bài thơ *Mùa thu của em*, giọng đọc vui tươi, nhẹ nhàng. Nhân giọng, gây ấn tượng với những từ ngữ gợi tả, gợi cảm; GV kết hợp với HS giải nghĩa từ ngữ khó.

– Tổ chức cho HS luyện đọc:

+ HS đọc tiếp nối từng khổ thơ trước lớp. GV chỉ định một HS đầu bàn (hoặc đầu dãy) đọc, sau đó lần lượt từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài. Khi theo dõi HS đọc, GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS; nhắc các em nghỉ hơi dài hơn giữa các khổ thơ, giọng đọc thể hiện niềm vui của bạn HS trong ngày khai trường.

+ Làm việc nhóm đôi: HS đọc tiếp nối 4 khổ thơ.

+ Thi đọc tiếp nối 4 khổ thơ trước lớp (theo nhóm, bàn, tổ).

+ Cả lớp đọc đồng thanh (cả bài) với giọng vừa phải, không đọc quá to.

+ 1 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài. GV lưu ý: Việc hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ mà HS địa phương dễ phát âm sai và viết sai nhằm làm cho HS có ý thức phân biệt các âm, vần, thanh để lẫn và viết đúng chính tả. GV chỉ luyện phát âm các từ ngữ nói trên cho cả lớp nếu có nhiều HS phát âm sai. Nếu chỉ có 1 hoặc 2 HS phát âm sai thì sửa riêng cho các em đó.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc theo nhóm đôi để trả lời các CH.

– Các nhóm báo cáo kết quả:

(1) Những màu sắc nào được tả trong bài thơ gắn với mùa thu? Màu vàng của hoa cúc; màu xanh của cỏ mới. GV có thể kết hợp giới thiệu hình ảnh hoa cúc vàng, hình ảnh cỏ mới để giúp HS hiểu được hình ảnh so sánh trong bài thơ.

(2) Mùa thu có gì vui đối với các bạn nhỏ? (Mùa thu, các bạn nhỏ được ngắm hoa cúc vàng, được ăn cỏ mới, được rước đèn Trung thu; được khai giảng năm học mới.

(3) Theo em, vì sao tác giả đặt tên bài thơ là *Mùa thu của em*? (Vì mùa thu gắn với những sự vật được thiếu nhi yêu thích, với nhiều hoạt động của thiếu nhi.)

(4) Chọn một khổ thơ em thích và cho biết vì sao em thích khổ thơ đó. (HS có thể chọn thích bất kì khổ thơ nào theo cảm nhận của các em. VD: Em thích khổ thơ 1 vì trong khổ thơ tác giả so sánh hoa cúc vàng như nghìn con mắt đang nhìn lên bầu trời. / Em thích khổ thơ 2 vì khổ thơ này cho em cảm nhận được cả màu xanh và hương thơm của cỏ mới. / Em thích khổ thơ 3 vì khổ thơ này nói đến ngày tết Trung thu mà em vô cùng yêu thích. / Em thích khổ thơ 4, vì đọc thơ em lại nghĩ tới buổi khai giảng đầu năm. / ...)

– GV: Bài thơ nói về điều gì? HS phát biểu, VD: Bài thơ là tình cảm yêu mến của bạn nhỏ với mùa thu.

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu để – làm bài tập

– GV mời 2 HS tiếp nối nhau đọc YC của 2 BT. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc độc lập: viết câu vào vở / VBT (nếu có).

4.2. Báo cáo kết quả

– Một số HS báo cáo kết quả. GV dùng máy overhead (nếu có) chiếu bài làm của HS.

– Các HS khác nêu ý kiến; GV nhận xét, kết luận, hướng dẫn HS chữa lỗi (nếu có).

(1) Viết tiếp vào vở câu dưới đây để liệt kê những hình ảnh quen thuộc của mùa thu. (BT 1).

VD: – Mùa thu là mùa của những màu sắc đẹp: màu xanh của bầu trời, màu vàng rực của hoa cúc, màu đỏ của lá bàng, màu vàng tươi của những tia nắng mới,...

(2) Đặt 1 câu sử dụng **đấu hai chấm** để liệt kê các hoạt động của thiếu nhi trong mùa thu (BT 2).

VD: – Mùa thu gắn liền với các hoạt động trẻ thơ, đó là: phá cỗ Trung thu, rước đèn ông sao, khai giảng năm học mới,...

5. HĐ 4: Học thuộc lòng bài thơ

GV hướng dẫn HS học thuộc tại lớp từng khổ, cả bài thơ bằng cách:

- Treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bài thơ.
- Luyện đọc xoá dần bảng. Xoá từng cụm từ đến khi chỉ còn những từ đầu câu làm điểm tựa. Luyện đọc theo bàn, tổ, dãy bàn.
- HS thi đọc thuộc lòng khổ thơ, cả bài thơ.

6. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị cho bài Góc sáng tạo *Em là học sinh lớp 3*.

GÓC SÁNG TẠO

EM LÀ HỌC SINH LỚP 3

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- HS biết tự giới thiệu về mình bằng lời nói, hình ảnh.
- Bài viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Có thể dán hình, vẽ, tô màu, trang trí cho bài viết.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Tự chủ – tự học, giải quyết vấn đề – sáng tạo: viết được đoạn văn giới thiệu bản thân rõ ràng mạch lạc; giao tiếp – hợp tác: giới thiệu được bản thân với các bạn trong nhóm, lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Chuẩn bị của GV: Những viên nam châm để gắn lên bảng bài viết của HS.
- Chuẩn bị của HS: Giấy màu, bút màu, kéo, hồ dán để tô màu, trang trí, vẽ hoa lá (hoặc hình ảnh cá nhân của HS để gắn vào bài viết – nếu có sẵn, YC không bắt buộc).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ nhóm.

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3
Cánh Diều

1. Tiếng Việt 3 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 3 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 3
4. Tự nhiên và Xã hội 3
5. Tin học 3
6. Công nghệ 3
7. Giáo dục thể chất 3
8. Âm nhạc 3
9. Mĩ thuật 3
10. Hoạt động trải nghiệm 3
11. Tiếng Anh 3 Explore Our World

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 3 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC

Quét mã QR hoặc dùng duyệt trình web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN 978-604-309-996-6



9 786043 099966